CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/STG/CV-HĐQT	----------
	Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: **Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam**
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Kho Vận Miền Nam
   - Mã chứng khoán: STG
   - Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, phường 13, Quận 4, TP.HCM
   - Điện thoại: 028.62685858 Fax: 028.38266593
   - Email: camry.tu@sotransgroup.vn

2. Nội dung thông tin công bố:
   Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam trân trọng công bố Báo cáo thường niên năm 2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/04/2024 tại đường dẫn https://sotrans.com.vn/co-dong/thong-tin-co-dong/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
- Báo cáo thường niên năm 2023.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

ĐẶNG VŨ THÀNH

Validity unknown
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
Ký ngày: 18/4/2024 15:59:31

SOTRANS GROUP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

sotransgroup.vn





48 Năm

đồng hành

cùng ngành Logistics Việt Nam







PHẦN 1
GIỚI THIỆU VỀ SOTRANS

NỘI DUNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

PHẦN 1: GIỚI THIỆU VỀ SOTRANS 2
Tổng quan công ty 4
Chặng đường hình thành và phát triển 6
Các hiệp hội tham gia và các chứng nhận 8
Mô hình quản trị 10
Các công ty con sở hữu trực tiếp và gián tiếp của SOTRANS 10
Các công ty liên doanh liên kết 12
Định hướng phát triển 13
Các rủi ro 15

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2023 16

PHẦN 3: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 26

PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY 31

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY 34

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH 45

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
- Tên tiếng anh: SOUTH LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: SOTRANS
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300645369
- Vốn điều lệ: 928.533.570.000 đồng
- Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84.28) 6268 5858 Fax: (84.28) 3826 6593
- Mã chứng khoán: STG Website: www.sotrans.com.vn



TỔNG QUAN CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM (SOTRANS) được thành lập từ năm 1975 với hệ thống kho và vận chuyển chủ lực của ngành thương mại. SOTRANS chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần từ năm 2007. SOTRANS là một trong những công ty hàng đầu trong ngành Logistics tại Việt Nam, với hệ thống kho, bãi, cảng trải dài trên khắp cả nước.

SOTRANS hoạt động trong các lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế, khai thác cảng, dịch vụ kho bãi, kinh doanh xăng dầu. SOTRANS có hệ thống đại lý tại hơn 100 quốc gia trên thế giới, trong đó tập trung vào các thị trường lớn như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU... Với hệ thống đại lý mạnh ở các cảng lớn trên thế giới, có quan hệ mật thiết với các hãng tàu uy tín, các dịch vụ của SOTRANS luôn đảm bảo đúng lịch trình với giá cước phù hợp, đáp ứng yêu cầu riêng của từng khách hàng.

Từ năm 2016, với sự đầu tư vào các công ty trong ngành Logistics hướng đến hệ sinh thái Logistics đa dạng đáp ứng nhu cầu thị trường, các công ty con góp mặt vào SOTRANS GROUP như: SOWATCO phát triển kinh doanh lõi về cảng biển, xà lan, đóng tàu; VIETRANSTIMEX phát triển kinh doanh lõi về vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng ; SOTRANS LOGISTICS phát triển kinh doanh về mảng kho, bãi, giao nhận, vận tải, cước vận tải quốc tế... cùng nhiều công ty liên doanh, liên kết khác. SOTRANS là công ty mẹ tập trung quản lý hoạt động nguồn vốn, đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh của các công ty con,

SOTRANS đã được các tập đoàn đa quốc gia như Scavi, Cargil, Holcim, Uni-President, PepsiCo, Samsung, P&G, Colgate-Palmolive, FrieslandCampina, Texhong... lựa chọn là nhà cung ứng dịch vụ Logistics tại thị trường Việt Nam.

Các sự kiện khác / Thành tích đạt được:

Trong quá trình hoạt động, SOTRANS đã không ngừng mở rộng địa bàn kinh doanh, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh. SOTRANS được tặng nhiều cờ thi đua xuất sắc của Bộ Thương Mại và Chính phủ, đặc biệt SOTRANS được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng II năm 2005 và Huân chương lao động hạng I năm 2010.

Thương hiệu SOTRANS 3 năm liền từ 2006 đạt giải thưởng "Thương hiệu mạnh Việt Nam" do Thời báo kinh tế Việt Nam phối hợp với Cục Xúc tiến thương mại (Bộ thương mại) tổ chức.

CÁC GIẢI THƯỞNG CHÍNH NHƯ SAU:

- **2021:** Top 500 VNR Việt Nam, Top 10 công ty uy tín ngành Logistics;
- **2020:** Top 10 công ty uy tín ngành Logistics;
- **2019:** Top 500 Profit Việt Nam;
- **2018:** Top 50 Việt Nam Best Grow, Top 500 Fast Việt Nam, Top 50 doanh nghiệp phát triển xuất sắc nhất;
- **2017:** Top 500 Fast Việt Nam;
- **2016:** Top 500 VNR Việt Nam;
- **2015:** Top 6 doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam...

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH:

SOTRANS là một công ty đa ngành hoạt động trên nhiều lĩnh vực, trong đó các hoạt động chính của công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ Logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (Logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa ; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt; kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn, các dịch vụ liên quan đóng tàu và cấu kiện nổi, sửa chữa tàu thuyền; cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước, dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy...

Với hơn 48 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Logistics, SOTRANS cung ứng chuỗi dịch vụ Logistics theo tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.





CHẶNG ĐƯỜNG HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

GIAI ĐOẠN THÀNH LẬP 1975 ➡ 1987

Ngày 14 tháng 10 năm 1975, công ty Kho Vận Cấp 1 - tiền thân của công ty CP Kho Vận Miền Nam, SOTRANS ngày nay - đã được thành lập trên cơ sở tiếp quản Kho Tồn Trữ Thủ Đức và Nha chuyển vận/ Nha bảo trì thuộc cơ quan tiếp vận trung ương của chính quyền Sài Gòn.

Nhiệm vụ chính của công ty tại thời điểm này là các hoạt động kho bãi, vận chuyển nội địa các mặt hàng nhu yếu phẩm trên tuyến đường Nam - Bắc, tham gia vào quá trình tái thiết đất nước sau thời gian chiến tranh, cũng như làm các nghĩa vụ quốc tế đối với các nước bạn Lào và Campuchia.

Trong thời kỳ này, công ty là đơn vị đầu ngành trong lĩnh vực kho bãi và vận chuyển nội thương, với hàng trăm xe tải, hàng ngàn tấn phương tiện vận tải ven biển và vận tải đường sông. Trong nhiều năm liền, công ty đã liên tục hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước về kho bãi, giao nhận, vận chuyển Nam Bắc và các nghĩa vụ quốc tế.

GIAI ĐOẠN HỘI NHẬP 1988 ➡ 1991

Nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung và cơ chế quan liêu bao cấp đạ tạo ra không ít khó khăn cho công ty trong thời điểm này. Hàng hóa thiếu về số lượng và chất lượng, kho hàng để trống trong thời gian dài, thị trường vận tải trong nước cả đường bộ lẫn đường thủy đều sa sút. Công ty phải thanh lý hết các phương tiện vận tải: tàu bè, xà lan, đoàn xe tải... và tìm kiếm những giải pháp kinh doanh phù hợp hơn.

Năm 1990, công ty thành lập Xí Nghiệp Kinh Doanh Thương Mại, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dầu nhờn thương hiệu SOLUBE. Đây được thưởng Thương mại Dịch vụ.

GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN 1992 ➡ 2007

Năm 1992 - SOTRANS INTERNATIONAL FREIGHT FORWARDERS bắt đầu đi vào hoạt động, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong lịch sử công ty. SOTRANS giờ đây đã có hệ thống đại lý trên toàn thế giới. Trong giai đoạn này, SOTRANS trở thành thành viên của các tổ chức như Phòng thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt Nam (VIFFAS - VLA), Hiệp hội Vận tải Giao nhận quốc tế (FIATA).

Năm 2001, hệ thống quản lý chất lượng của SOTRANS đã được DNV - một trong những tổ chức quản lý chất lượng có uy tín nhất thế giới cấp chứng chỉ ISO 9001 phiên bản 2000. Cho đến năm 2005, SOTRANS đã chính thức là thành viên của VCCI, VIFFAS - VLA, FIATA và IATA. Với chính sách tập trung đầu tư phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng những đòi hỏi ngày càng khắt khe của thị trường, hiện nay tại SOTRANS đã có những Tiến sĩ, Thạc sĩ, hàng trăm Cử nhân và hàng chục người vẫn đang tiếp tục theo học các chương trình Cao học.

SOTRANS cũng tham gia mạnh mẽ vào hoạt động cộng đồng: tham gia quỹ vì người nghèo, quỹ khuyến học, các công tác từ thiện, chương trình "đền ơn đáp nghĩa" phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng... Công ty đã được nhà nước tặng 5 Huân chương Lao động cho tập thể, 4 Huân chương Lao động cho cá nhân, nhiều cờ thi đua, bằng khen của Bộ Thương mại và các ngành các cấp khác. Nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập SOTRANS (14/10/1975 - 14/10/2005) công ty vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng 1 của Chủ tịch nước trao tặng.

GIAI ĐOẠN CỔ PHẦN HÓA 2007 ➡ NAY

Năm 2007, SOTRANS chuyển đổi thành công ty Cổ phần với tên mới là CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM và đoạt giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2009. Vào năm 2010, thành lập Xí nghiệp GNVT Quốc Tế Tiêu Điểm (SOTRANS Focus), Cảng Kho vận (SOTRANS ICD) và Xí nghiệp Vật Tư Xăng Dầu (SOTRANS Petrol). Nhân kỉ niệm 35 năm thành lập, SOTRANS vinh dự đón nhận Huân Chương Lao Động Hạng Nhất và đoạt giải thưởng Thương mại Dịch Vụ.

Hiện nay SOTRANS có đội ngũ trên 1200 CB CNV, hoạt động trong các lĩnh vực: kinh doanh kho bãi, kinh doanh xăng dầu, dịch vụ giao nhận vận tải trong nước và quốc tế, cảng thông quan nội địa. Công ty có mạng lưới hoạt động cả nước, hệ thống đại lý giao nhận toàn cầu, cơ sở vật chất đủ đáp ứng nhu cầu khách hàng với hàng trăm ngàn m2 kho bãi cảng, các thiết bị bốc dỡ vận chuyển container và hàng hóa hiện đại. SOTRANS đã trở thành thương hiệu mạnh trong nước và quốc tế với tốc độ tăng trưởng hàng năm từ 20 đến 30%.



1975 – Thành lập với hệ thống kho và vận chuyển chủ lực ngành thương mại.

2005 – Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng II.

2007 – Chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần.

2010 – Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng I.

2015 – Top 6 doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam.

2016 – Top 500 VNR Việt Nam.
SOTRANS GROUP góp mặt các công ty con: Sowatco, Vietranstimex, Sotrans Logistics, cùng nhiều công ty liên doanh, liên kết khác...

2017 – Top 500 Fast Việt Nam.

2018 – Top 50 Việt Nam Best Growth.
Top 500 Fast Việt Nam.

2019 – Top 500 Profit Việt Nam.

2020 – Top 10 công ty uy tín ngành Logistics.

2021 – Top 500 VNR Việt Nam
Top 10 công ty uy tín ngành Logistics,

CÁC HIỆP HỘI THAM GIA VÀ CÁC CHỨNG NHẬN

SOTRANS tham gia đầy đủ các hiệp hội ngành nghề, nhằm đảm bảo dịch vụ đạt chuẩn quốc tế khi cung cấp đến khách hàng.

CARVRE SEVEN (C7):

Nhiệm vụ của CARVRE SEVEN là tạo ra một môi trường thúc đẩy các mối quan hệ KINH DOANH thông qua MẠNG LƯỚI ĐỔI MỚI giữa các các chuyên gia trong ngành Logistics quốc tế. Mục tiêu của CARVRE SEVEN là tạo ra một nền tảng tạo điều kiện cho CỘNG TÁC VÀ ĐỒNG HÀNH đồng thời tiếp tục cung cấp cho các thành viên trong Hiệp hội KIẾN THỨC cho các vấn đề về Hậu Cần, Giao nhận và Vận chuyển.

SOTRANS là thành viên CARVRE năm 2017.

HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP DỊCH VỤ LOGISTICS VIỆT NAM (VLA):

Hiệp hội các doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam được thành lập năm 2016 với tiền thân là Hiệp hội Giao nhận Vận tải Việt Nam (VIFFAS).

SOTRANS là thành viên VLA năm 1996.

AIR & SEA ASSOCIATION:

ASA Network cung cấp hệ thống những công ty giao nhận vận tải độc lập được lựa chọn - Các công ty Logistics & môi giới hải quan, đây được xem như là một cơ hội tuyệt vời để phát triển kinh doanh với các đối tác được thành lập tốt trong cùng ngành trên khắp thế giới.

SOTRANS là thành viên ASA năm 2015.

WCA PROJECT:

Tất cả các hội viên trong WCA Projects Network đều có hồ sơ chứng minh hoạt động liên quan đến các dự án thuộc lĩnh vực thương mại, quân sự hoặc các dự án thuộc hoạt động của chính phủ chủ trì và điều này thể hiện sự cam kết hoàn toàn trong việc cung cấp cho khách hàng cũng như các đối tác những dịch vụ tốt nhất nhằm đáp ứng trong những thời hạn quan trọng.

SOTRANS là thành viên WCA năm 2018.

HIỆP HỘI GIAO NHẬN VẬN TẢI QUỐC TẾ (FIATA):

FIATA là tên gọi viết tắt từ tiếng Pháp của Liên đoàn các Hiệp hội Giao nhận Vận tải Quốc tế (Fédération Internationale des Associations de Transitaires et Assimilés", tên chính thức bằng tiếng Anh là "International Federation of Freight Forwarders Associations".

Thành lập vào ngày 31/05/1926 và liên tục phát triển, trong nhiều năm qua FIATA đã trở thành người đại diện cho giới cung cấp dịch vụ Logistics chuyên nghiệp toàn cầu. Thành viên của FIATA chủ yếu là các Hiệp hội Giao nhận và Logistics của các Quốc gia. Hiện tại, Hiệp hội có khoảng 40.000 công ty Giao nhận và Hậu cần Logistics tại 150 Quốc gia.

SOTRANS là thành viên FIATA năm 1997.

HIỆP HỘI VẬN TẢI HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ:

Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (International Air Transport Association viết tắt IATA) là một nhóm nghề nghiệp quốc tế của các hãng hàng không có trụ sở tại Montreal, Quebec, Canada (nơi ICAO ngẫu nhiên cũng đóng trụ sở, dù đây là cơ quan khác hẳn).

IATA được thành lập tháng 4 năm 1945, ở La Habana, Cuba. Đây là tổ chức kế nhiệm của Hiệp hội Vận chuyển Hàng không Quốc tế (tên tiếng Anh: International Air Traffic Association) được thành lập ở Den Haag năm 1919, năm có dịch vụ theo lịch trình quốc tế đầu tiên. Vào thời điểm thành lập, IATA có 57 thành viên từ 31 quốc gia, phần lớn ở châu Âu và Bắc Mỹ. Ngày nay, hiệp hội này có 270 thành viên từ 140 quốc gia ở khắp nơi trên thế giới.

SOTRANS là thành viên IATA năm 2004.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

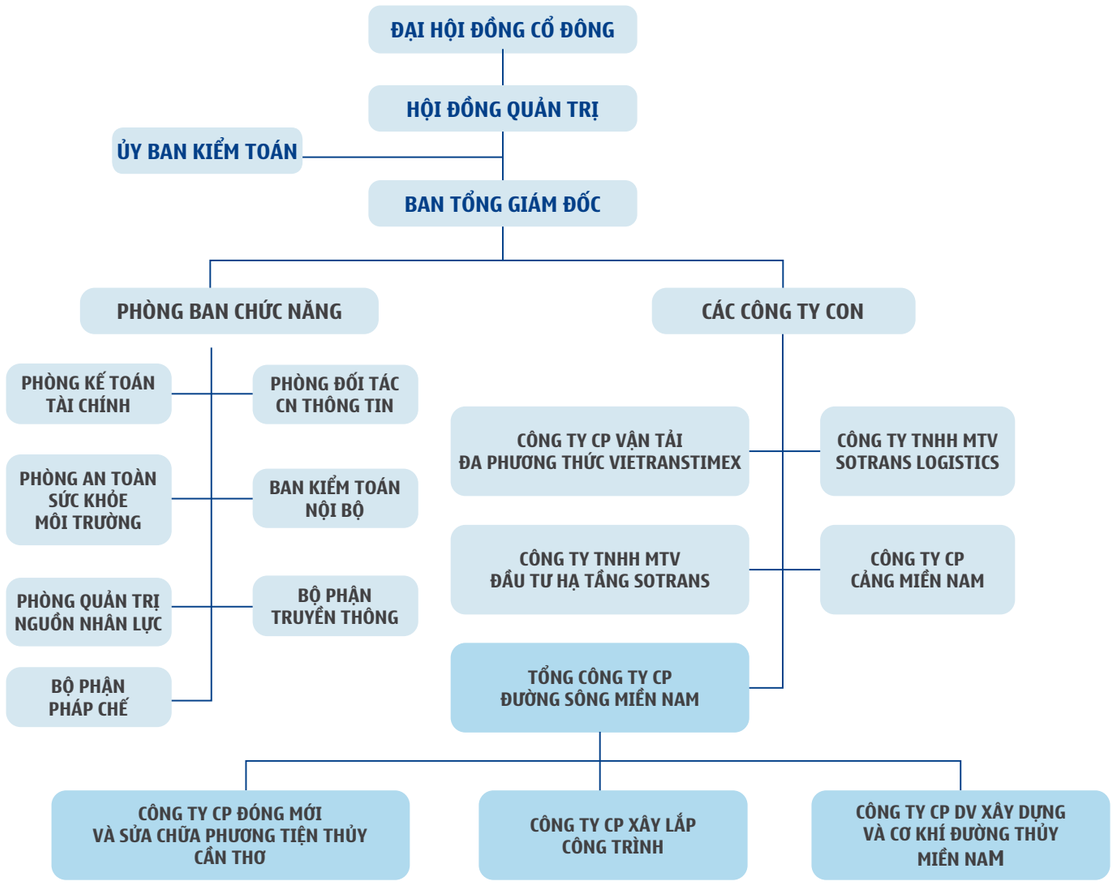

CÁC CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP CỦA SOTRANS

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu	Lĩnh vực kinh doanh	Địa chỉ
1	**Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng SOTRANS (SII)**	Vốn điều lệ 901 tỷ đồng. SOTRANS nắm giữ 100% vốn điều lệ.	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình công ích; phá dỡ; san lấp mặt bằng; hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hoạt động xây dựng công trình chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng...	1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
2	**Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex**	Vốn điều lệ hơn 209 tỷ đồng. SOTRANS nắm giữ 93,17% vốn điều lệ	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy, cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.	1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, TP. HCM
3	**Công ty TNHH Một Thành Viên Sotrans Logistics**	Vốn điều lệ 91,3 tỷ đồng. SOTRANS nắm giữ 100% vốn điều lệ	Cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ Logistics, dịch vụ hải quan; trung tâm phân phối (Logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa.	1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, TP. HCM.
4	**Công ty CP Cảng Miền Nam**	Vốn điều lệ 20 tỷ đồng. SOTRANS nắm giữ 100% vốn điều lệ.	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới cảng thông quan nội địa, vận tải.	9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. HCM.
5	**Tổng Công ty CP Đường sông Miền Nam**	Vốn điều lệ 671 tỷ đồng. SOTRANS nắm giữ 93,34% vốn điều lệ.	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và đại lý kinh doanh dầu và dầu nhờn.	298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, TP. HCM.
6	**Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình (ECCO)**	SOTRANS nắm giữ 96,18% vốn điều lệ.	Xây dựng các công trình dân dụng.	298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, TP. HCM.
7	**Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ**	SOTRANS nắm giữ 65,34% vốn điều lệ.	Cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi.	77B Trần Phú, P. Cái Khế, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
8	**Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SOWATMES")**	SOTRANS nắm giữ 47,60% vốn điều lệ.	Xây dựng các công trình dân dụng.	59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. HCM.

CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ, tỷ lệ sở hữu	Lĩnh vực kinh doanh	Địa chỉ
1	**Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier**	Công ty sở hữu 50% vốn chủ sở hữu của The Pier.	Kinh doanh Bất Động Sản.	Phòng 1606, Lầu 16, tòa nhà Sailing, số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM.
2	**Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO**	Công ty sở hữu 50% vốn chủ sở hữu của SORECO.	Kinh doanh Bất Động Sản.	Tầng 16, tòa nhà Sailing, số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM.
3	**Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 (VICT)**	Công ty nắm giữ 37% quyền biểu quyết gián tiếp tại VICT.	Kinh doanh khu cảng container tại Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM và kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng trực tiếp sử dụng dịch vụ cảng container.	Đường A5, Khu phố 5, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. HCM.
4	**Công ty CP DV Tổng hợp Đường thủy Miền Nam (SOWATCOSER)**	Công ty nắm giữ 26.27% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATCOSER.	Cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.	38 Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, TP. HCM.
5	**Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai**	Công ty nắm giữ 20,25% quyền biểu quyết gián tiếp tại Cảng Đồng Nai.	Cung cấp các dịch vụ cảng, vận tải.	1B Đường D3, Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

4.1 CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY:

Mục tiêu tăng trưởng:
2021-2024: tăng trưởng 250%.

Mục tiêu thương hiệu:
Thương hiệu SOTRANS là một trong những thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực Logistics.

Mục tiêu tổ chức, cơ cấu:
Xây dựng tổ chức với cơ cấu bộ máy phù hợp, tạo môi trường làm việc văn minh, chuyên nghiệp, đảm bảo thu nhập và chăm lo đời sống, sức khỏe cho người lao động, luôn sẵn sàng đội ngũ nhân sự kế thừa có đầy đủ chuyên môn - năng lực - phẩm chất.

Thực hiện tái cơ cấu tài sản nhằm mục tiêu tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài sản, đồng thời tập trung đầu tư vào các tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính, phù hợp với chiến lược lâu dài của công ty.

4.2 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN:



- Năm 2024 được xem là năm bản lề trong chuỗi thực thi Chiến lược Chuyển Đổi giai đoạn 2021-2024 của SOTRANS Group và xác định hướng đi cho giai đoạn tiếp theo.

- Chiến lược Chuyển đổi này xoay quanh mục tiêu nâng cao năng lực chuỗi cung ứng của Tập đoàn, qua đó, tối ưu vận hành và nâng tầm trải nghiệm khách hàng qua các gói đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, phương tiện - thiết bị hiện đại, bảo vệ môi trường, từng bước số hóa dịch vụ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào Logistics bền vững, triển khai thực hành các tiêu chuẩn quốc tế về phát triển xanh... Minh chứng rõ nét nhất cho nỗ lực này là SOTRANS nhiều năm liền được các đơn vị độc lập xếp hạng Top 10 doanh nghiệp Logistics lớn nhất Việt Nam.

- Bên cạnh đó, SOTRANS vẫn tích cực khai thác cơ hội kinh doanh mới thông qua các hoạt động mua bán & sáp nhập và liên doanh. Cổ đông chiến lược PSA - một doanh nghiệp điều hành cảng biển lâu đời với mạng lưới rộng khắp và tiềm năng mạnh mẽ hàng đầu thế giới về lĩnh vực Logistics là ví dụ tiêu biểu cho việc thực thi chiến lược này. Sự hợp tác giữa PSA và STG trong năm nay cho phép cả hai bên tận dụng những thế mạnh chung và cùng nhau gia tăng vị thế thị trường, mang đến giá trị thực tế hơn nhằm phục vụ nhu cầu linh hoạt của khách hàng với các giải pháp chuỗi cung ứng Port Logistics mạnh mẽ và bền vững. Với lợi thế về thương hiệu mạnh mẽ, kinh nghiệm lâu năm và hệ sinh thái Logistics hoàn chỉnh của STG tại Việt Nam; giờ đây, STG còn có thể nhận được lợi ích nhất định từ mạng lưới cảng biển toàn cầu, hệ thống doanh nghiệp Logistics liên kết, giải pháp số hóa toàn diện cũng như kinh nghiệm quốc tế về dịch vụ chuỗi cung ứng đầu cuối (end-to-end) của PSA để tối đa hóa tiềm năng tăng trưởng của ngành cảng và Logistics Cảng tại Việt Nam, giúp STG kết nối tốt hơn cho khách hàng Việt Nam với thế giới.

- Một mục tiêu lớn khác mà STG vẫn theo đuổi tích cực trong suốt thời gian dài là trở thành thương hiệu nhà tuyển dụng uy tín, là một trong những lựa chọn hàng đầu của nhân tài, nhờ tạo ra môi trường làm việc hạnh phúc, đề cao phát triển con người với nhiều chương trình đào tạo riêng biệt theo các nhóm vị trí khác nhau và gói phúc lợi tổng thể hấp dẫn.

- Trên nền tảng vững chắc này, chiến lược hoạt động trong giai đoạn chuyển đổi tiếp theo, tầm nhìn đến 2027, dự kiến hướng đến thúc đẩy sự phát triển bền vững và đổi mới liên tục của tập đoàn, nhằm đạt mục tiêu National Champion trong ngành dịch vụ Logistics tại Việt Nam.

4.3 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY:



CÁC RỦI RO

RỦI RO VỀ THỜI TIẾT CỰC ĐOAN:

Tình hình biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng trực tiếp đến toàn thế giới. Các hiện tượng khí hậu cực đoan đã có tác động lớn đến nhiều nơi trên thế giới nói chung cũng như ảnh hưởng trực tiếp đến ngành dịch vụ Logistics nói riêng như mưa giông, gió mạnh, sét đánh gây ra các rủi ro gián tiếp như làm gián đoạn hoạt động điều hành Cảng. Vì vậy tập đoàn đã tập trung đầu tư hạ tầng nhằm giảm thiểu hoặc khắc phục các rủi ro này có thể lặp lại trong tương lai gây ảnh hưởng đến hoạt động điều hành Cảng.

RỦI RO TRONG AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG:

Hoạt động vận hành Cảng, kho bãi khá phức tạp có thể phát sinh nhiều rủi ro và gây tai nạn cho người lao động nếu không được kiểm soát như phân luồng giao thông giữa các phương tiện và người đi bộ; rủi ro vận hành các phương tiện thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt, rủi ro làm việc trên cao, rủi ro mắc bệnh nghề nghiệp đối với người lao động làm việc trực tiếp ngoài trời. Vì vậy công ty cần nâng cao kiến thức cho người lao động bằng các khóa huấn luyện đào tạo định kỳ bắt buộc, tổ chức bổ sung các buổi SHE Talk hằng tháng với các nội dung bồi dưỡng kiến thức rút kinh nghiệm sau sự cố, hay các buổi Toolbox đầu mỗi ca làm việc nhằm nhắc nhở người lao động tuân thủ nội quy An toàn vệ sinh lao động và đặc biệt không thể thiếu là theo dõi cấp phát, nhắc nhở người lao động trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp với công việc.

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG:

Trong quá trình hoạt động và làm việc sẽ phát sinh chất thải nguy hại và không nguy hại và đáng lo ngại nếu như các chất thải không được quản lý và thu gom xử lý đúng cách, điều này sẽ gây các rủi ro nghiêm trọng đối với doanh nghiệp như ô nhiễm môi trường làm việc, ảnh hưởng sức khỏe người lao động hay liên quan đến vi phạm pháp luật. Đối với các chất thải sinh hoạt, cần phải được bố trí nhiều ở nơi người lao động tập kết thường xuyên, dọc các tuyến hành lang lối đi bộ; riêng đối với các loại chất thải nguy hại phát sinh, cần có các giải pháp nghiêm ngặt hơn như bố trí nơi tập kết, kho lưu chứa có phân loại, định danh và các biển báo nguy hiểm phù hợp. Tất cả đều cần phải có hợp đồng với đơn vị đủ năng lực thu gom xử lý thường xuyên, định kỳ.



PHẦN 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thực trạng kinh tế của 9 tháng đầu năm 2023 cho thấy, nền kinh tế toàn cầu đang phải đương đầu với bối cảnh có nhiều nhân tố chính trị, an ninh, môi trường và kinh tế tác động đan xen tới tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2023.

Các tác nhân chủ yếu dẫn đến tình hình kinh tế toàn cầu ảm đạm và phục hồi chậm có thể kể đến:

- **Căng thẳng tài chính dẫn đến các điều kiện tài chính toàn cầu có xu hướng thắt chặt:** Các ngân hàng trung ương có xu hướng bắt đầu thắt chặt tiền tệ từ quý II/2022, kéo đến quý I/2023 do tác động lan tỏa từ sự sụp đổ của một số ngân hàng tại Hoa Kỳ cuối tháng 4/2023. Lạm phát tăng cao hơn dự đoán, lãi suất cao làm tăng sự bất ổn ở thị trường tài chính, trong khi giá tài sản thay đổi; sự sụp đổ của Ngân hàng SVB và Credit Suisse... là những biểu hiện cụ thể của tác nhân này.

- **Lạm phát cao liên tục mà nguyên nhân chủ yếu do chuỗi cung ứng gián đoạn và/hoặc không theo kịp sự gia tăng đột biến của cầu:** Dự báo lạm phát đã được điều chỉnh tăng đáng kể trong những năm gần đây và áp lực gia tăng lạm phát vẫn có thể xảy ra trong thời gian tới, do những nguyên nhân chủ yếu như: cầu tăng mạnh sau đại dịch trong khi chuỗi cung ứng không theo kịp; sự kéo dài của chiến tranh Nga - Ukraine làm tăng giá nhiên liệu và lương thực. Ngoài ra, những cú sốc về nguồn cung có thể làm tăng giá hàng hóa. Gián đoạn nguồn cung dầu do xáo trộn địa chính trị có thể tác động dai dẳng đến thị trường toàn cầu. Giá năng lượng cao hơn sẽ chuyển sang giá tiêu dùng và làm kỳ vọng lạm phát tăng lên. Một động lực tương tự có thể xảy ra nếu nhu cầu hàng hóa của Trung Quốc mạnh hơn dự kiến. Cú sốc đối với lạm phát toàn cầu sẽ khiến các ngân hàng trung ương thắt chặt chính sách tiền tệ hơn dự kiến và áp dụng lãi suất chính sách cao hơn trong thời gian dài hơn. Điều này sẽ dẫn đến suy giảm tăng trưởng nghiêm trọng hơn, đặc biệt ở các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi. Mặt khác, chính sách tiền tệ của các quốc gia cần thời gian để tạo sự khác biệt tới lao động và tiền lương, không ảnh hưởng tới lạm phát do chuỗi cung ứng.

- **Nền kinh tế thế giới phục hồi chậm, tăng trưởng dài hạn yếu hơn dự kiến:** Tăng trưởng tiềm năng toàn cầu dự báo sẽ giảm xuống mức thấp nhất trong ba thập kỷ qua. Xu hướng này do nhiều nguyên nhân như lực lượng lao động toàn cầu đang già đi và tăng trưởng chậm hơn, gia tăng phân mảnh địa chính trị và kinh tế; thâm hụt tài khóa lớn và dự báo tiếp tục kéo dài đến 2025; tăng trưởng chậm làm tăng tiêu dùng, giảm thu nhập, thắt chặt tiền tệ để kiểm soát lạm phát dẫn đến khó kích thích kinh tế. Trong khi đó, thị trường bất động sản trì trệ do người dân giảm chi tiêu để trả nợ, ít mua bất động sản mới; giá nhà giảm gây ảnh hưởng đến đầu tư xây dựng việc làm; kiệt quệ tài chính lan từ đầu tư bất động sản sang lĩnh vực tài chính.

- **Nền kinh tế toàn cầu ngày càng dễ bị tổn thương trước những cú sốc phát sinh từ biến đổi khí hậu:** Các sự kiện thời tiết cực đoan như hạn hán, lũ lụt, cháy rừng và bão gió đang trở nên thường xuyên hơn và sẽ gây thiệt hại kinh tế đáng kể. Trong ngắn hạn, mức độ phổ biến và mức độ nghiêm trọng của các thảm họa liên quan đến khí hậu sẽ gây ra những thiệt hại đáng kể về con người, thông qua mùa màng thất bát, cơ sở hạ tầng bị hư hại, hoạt động bị gián đoạn trên diện rộng và tình hình tài chính của chính phủ trở nên tồi tệ hơn. Những thay đổi về khí hậu có thể làm gia tăng tình trạng mất an ninh lương thực ở những vùng có số lượng lớn nông dân tự cung tự cấp, những người thiếu nguồn lực để dễ dàng điều chỉnh sản xuất. Biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan có thể góp phần tạo ra các cú sốc mới đối với an ninh lương thực và năng lượng toàn cầu.

- **Cạnh tranh địa - chính trị và cuộc xung đột Nga - Ukraine tiếp tục chi phối sự phục hồi của nền kinh tế thế giới:** Chính sách kinh tế của các nước phát triển ngày càng hướng tới phục vụ các mục tiêu địa - chính trị và đặt ưu tiên an ninh trước các ưu tiên về hợp tác kinh tế. Thương mại và đầu tư toàn cầu bị ảnh hưởng từ các biện pháp của các nước phát triển nhằm đưa đầu tư về trong nước (on-shoring) và chuyển sang các nước thân thiện (friend-shoring), giảm tối đa khả năng nước ngoài can thiệp vào các ngành công nghiệp chủ chốt, gia tăng các biện pháp rà soát đầu tư, thương mại. An ninh lương thực toàn cầu tiếp tục chịu rủi ro, nhất là đối với các nước có thu nhập thấp. An ninh năng lượng đứng trước thách thức, nhất là tại khu vực châu Âu, do năm 2023, châu Âu hầu như không còn nguồn nhập khẩu năng lượng từ Nga và chịu sự cạnh tranh từ thị trường năng lượng quốc tế do kinh tế Trung Quốc phục hồi.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023 (triệu đồng)	So sánh năm 2022 (%)	So sánh kế hoạch năm 2023 (%)
1	Doanh thu	1.795.636	68%	57%
2	Lợi nhuận trước thuế	220.360	72%	48%
3	Lợi nhuận sau thuế	150.680	59%	40%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán)

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tóm tắt lý lịch	Tỷ lệ sở hữu cổ phần CP) có quyền biểu quyết	Thời gian bổ nhiệm/ từ nhiệm
1	**Ông Đặng Vũ Thành**	Tổng Giám đốc	- Giới tính: Nam - Ngày sinh: 11/12/1969 - Nơi sinh: Thanh Hóa - Quốc tịch: Việt Nam - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: • Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng CTCP Đường Sông Miền Nam. • Chủ tịch HĐQT CTCP Vận Tải Đa Phương Thức Vietranstimex. • Chủ tịch HĐQT CTCP Cảng Miền Nam. • Thành viên HĐQT CT Liên doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1.	85.776 CP, chiếm 0,087% vốn điều lệ	Bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 01/07/2020.
2	**Ông Phay Wenfu, Daniel**	Phó Tổng Giám Đốc	- Giới tính: Nam - Ngày sinh: 24/07/1981 - Quốc tịch: Singapore - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: • Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám Đốc của Công Ty TNHH PSA Cargo Solutions Việt Nam. • Thành viên Hội đồng quản trị của Công Ty Cổ Phần Tân Cảng Quế Võ.	0%	Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 21/06/2023.
3	**Ông Nguyễn Mai Khánh Trình**	Giám đốc tài chính	- Giới tính: Nam - Ngày sinh: 02/07/1984 - Nơi sinh: Khánh Hòa - Quốc tịch: Việt Nam - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: • Trưởng BKS tại Tổng công ty CP Đường Sông Miền Nam. • Trưởng BKS tại công ty CP Vận Tải Đa Phương Thức Vietranstimex.	0%	Bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc tài chính từ ngày 18/01/2023.
4	**Ông Nguyễn Hoàng Giang**	Trưởng phòng Tài chính Kế toán kiêm Kế toán trưởng	- Giới tính: Nam - Ngày sinh: 13/04/1986 - Nơi sinh: Tiền Giang - Quốc tịch: Việt Nam - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không	0%	Bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng phòng Tài chính Kế toán kiêm Kế toán trưởng từ ngày 25/08/2020.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG:

- Người lao động: Tổng số người lao động trong hệ thống SOTRANS tại thời điểm ngày 31/12/2023 là 1.165 người (thời điểm ngày 31/12/2022 là 1.115 người).

- Tất cả lao động đều được ký kết hợp đồng lao động, SOTRANS luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC

SOTRANS cam kết đem đến cho bạn một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và đầy thách thức.

Với bề dày hơn 48 năm kinh nghiệm trong hoạt động kinh doanh, SOTRANS đã chuẩn hóa các quy tắc, quy định về quy trình làm việc để các bộ phận phối hợp rõ ràng, nhịp nhàng. Thường xuyên cập nhật, cung cấp tài liệu hướng dẫn cho nhân viên về toàn bộ quy định, quy trình công ty.

Mỗi cá nhân khi làm việc tại SOTRANS được xác định rõ phạm vi, khối lượng công việc rõ ràng; được công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát huy tối đa năng lực bản thân và ghi nhận công sức đóng góp xứng đáng.

Các trang thiết bị cá nhân và trang thiết bị phòng ban luôn luôn trong tình trạng hoàn hảo để phục vụ tốt nhất cho hoạt động kinh doanh.

Môi trường làm việc tại SOTRANS đòi hỏi sự năng động và đầy thách thức. Bạn sẽ có cơ hội làm việc với những hạt nhân xuất sắc của SOTRANS, những người giàu kinh nghiệm và chuyên nghiệp luôn phấn đấu vì mục tiêu chung.

Chúng tôi cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất giúp bạn đạt được mục tiêu nghề nghiệp của chính mình. Mạng liên kết toàn cầu của SOTRANS là cơ hội tốt cho bạn trải nghiệm và tiếp cận các phương pháp quản lý và xây dựng chiến lược của các tập đoàn đa quốc gia giúp bạn có thể thỏa sức sáng tạo, đưa những kiến thức và kinh nghiệm vào thực tế nhằm góp phần xây dựng và phát triển công ty.

Với mỗi cá nhân tinh thần và khả năng làm việc đội nhóm sẽ góp phần quan trọng trong hiệu quả công việc và thành công của bạn sau này. Hãy hòa cùng tập thể SOTRANS và cùng chúng tôi bước tiếp những bước dài trong lịch sử hình thành và phát triển của SOTRANS.

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC:

- Thời gian làm việc bình thường không quá 8 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần. Tuy nhiên, tùy đặc thù công việc và điều kiện sản xuất kinh doanh của từng nơi, từng thời điểm, người có trách nhiệm cao nhất của doanh nghiệp có quyền quy định biểu giờ làm việc riêng của từng đơn vị phù hợp quy định của công ty và của pháp luật.

- Người lao động được nghỉ các ngày lễ, Tết theo quy định hiện hành. Người lao động làm thêm giờ được bố trí nghỉ bù vào những ngày khác trong tuần, tuy nhiên thời gian làm thêm giờ không được vượt mức quy định tại điều 69, Bộ luật lao động.

- Người lao động có 12 tháng làm việc trở lên tại công ty được nghỉ phép hàng năm và hưởng nguyên lương 12 ngày làm việc, đối với cấp Giám sát có 15 ngày phép năm và đối với cấp Trưởng phòng trở lên có 18 ngày phép năm. Mỗi 5 năm làm việc, người lao động sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.

- Công ty và người lao động có nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTN-BNN theo quy định hiện hành. Các chế độ thanh toán trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thôi việc, được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI:

- Công ty xây dựng mức lương, thưởng cho mỗi chức danh công việc trên cơ sở tham khảo mức lương của một số doanh nghiệp cùng ngành nghề, trong đó quan tâm đãi ngộ đội ngũ cán bộ quản lý điều hành doanh nghiệp, CB CNV có năng lực giỏi và những người đã cống hiến nhiều cho công ty.

- Chính sách thưởng các đơn vị có lợi nhuận cao nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo trong toàn công ty.

- Hằng năm công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ mát và thường xuyên tổ chức các buổi gặp mặt, team building, trao đổi kinh nghiệm giữa các CBCNV trong công ty.

- Công ty luôn luôn quan tâm đến sức khỏe của đội ngũ CBCNV, CBCNV được tạo điều kiện thăm khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

- Duy trì các hình thức họp mặt truyền thống trong các dịp Tết cổ truyền, kỷ niệm: ngày Phụ nữ, tổ chức hội thi, vui chơi, tuyên dương, tặng quà....

- Tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao... cho người lao động, mua sắm trang phục, dụng cụ thể thao, tổ chức luyện tập, giao lưu, thi đấu...

- Công ty tổ chức thăm hỏi, động viên khi CBCNV ốm đau, khó khăn.



3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2023, SOTRANS GROUP tiếp tục đầu tư phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các công ty con, một số khoản đầu tư lớn như:

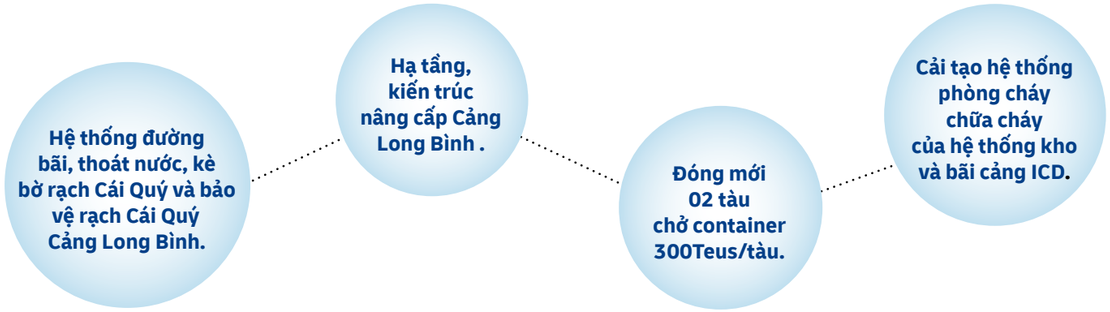

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

A. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2023

Chỉ tiêu	2023 (Triệu đồng)	2022 (Triệu đồng)	Biến động (%)
Tổng giá trị tài sản	2.868.678	2.784.035	3%
Doanh thu thuần	1.795.636	2.639.255	-32%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	165.212	293.755	-44%
Lợi nhuận khác	55.147	12.331	347%
Lợi nhuận trước thuế	220.360	306.086	-28%
Lợi nhuận sau thuế	150.680	253.562	-41%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán)

B. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	2,44	2,05
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	2,31	1,82
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,21	0,24
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,27	0,31
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	18	20
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,64	0,97
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8%	10%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7%	12%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5%	9%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	9%	11%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán)

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

A. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do Trung tâm tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt tại thời điểm ngày 29/12/2023, thông tin cổ phần của SOTRANS như sau:

- **Vốn điều lệ:** **982.533.570.000 đồng**
- **Khối lượng cổ phiếu niêm yết:** **98.253.357 cổ phiếu**
- **Khối lượng cổ phiếu lưu hành:** **98.253.357 cổ phiếu**
- **Cổ phiếu quỹ:** **0 cổ phiếu**
- **Mệnh giá 1 cổ phiếu:** **10.000 đồng**

STT	Chỉ tiêu	Số cổ phần	Số cổ đông	Tỷ lệ sở hữu
I	**Cổ đông nhà nước**	**-**	**-**	**-**
II	Cổ đông trong nước	68,724,200	500	69.946%
1	Cá nhân	616,570	490	0.628%
2	Tổ chức	68,107,630	10	69.318%
III	**Cổ đông nước ngoài**	**29,529,157**	**22**	**30.054%**
1	Cá nhân	13,539	12	0.014%
2	Tổ chức	29,515,618	10	30.040%
	Tổng cộng	**98,253,357**	**522**	**100%**

B. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU: không có.

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

6.1 MÔI TRƯỜNG

SOTRANS đặt mục tiêu tối ưu hóa quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước trong toàn bộ hệ thống SOTRANS, luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm hướng tới việc tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững.

Với vị thế là chủ đầu tư các dự án xây dựng, đầu tư trang thiết bị, ... để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, công ty luôn ưu tiên lựa chọn các nhà thầu xây dựng và cung cấp trang thiết bị... có các giải pháp tốt nhất về bảo vệ môi trường.

Thiết bị trang bị cho dự án của công ty đảm bảo tiết kiệm điện năng. Công ty ưu tiên sử dụng nguyên vật liệu thay thế ít sử dụng năng lượng nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật. Công ty luôn đề ra và quản lý định mức tiêu hao hàng tháng đảm bảo việc tiêu hao năng lượng và nước không vượt quá định mức tiêu hao đã đề ra. Bên cạnh đó, khi lập báo cáo kỹ thuật tiền khả thi các dự án đầu tư, SOTRANS đều thuê những đơn vị tư vấn thực hiện những đánh giá tác động đến môi trường tại địa bàn thực hiện dự án. Đồng thời, đưa ra các giải pháp thiết thực nhằm giảm tác động đến môi trường, hệ sinh thái ở mức thấp nhất.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:
Công ty chú trọng đến hoạt động vận tải sinh thái và an toàn với việc đạt nhận được Chứng chỉ Xanh Cấp độ 2 về việc thực hiện chương trình Phát triển bền vững trong Vận chuyển hàng hóa xanh từ tổ chức Green Freight Asia (GFA). Đây là chứng nhận quan trọng cho những cam kết và nỗ lực của Sotrans trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh hướng đến mục tiêu phát triển bền vững của mình, đồng thời, đáp ứng sáng kiến vận chuyển hàng hóa xanh nhằm tăng hiệu quả sử dụng nhiên liệu và giảm thiểu phát thải khí CO2 tại Việt Nam.

Các công nghệ thiết bị nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính cho hơn 70 xe đầu kéo đạt GFA II đã sáng kiến và áp dụng bao gồm:

- Sử dụng phần mềm Hệ thống quản lý vận tải – eTMS theo dõi, điều phối các tuyến vận chuyển hàng hóa.
- Thay đổi vỏ lốp xe có công nghệ giảm ma sát lăn.
- Thay đổi dầu nhớt có công nghệ giảm ma sát động cơ.
- Thiết bị Monitoring: nhằm cảm biến mức nhiên liệu, kiểm soát chính xác mức tiêu hao nhiên liệu của phương tiện.
-

6.2. TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:
Năng lượng tiêu thụ điện của công ty Sotrans năm 2023 ở mức khoảng 3,809.741 MWh, cụ thể:

SOTRANS LOGISTICS: 467.110 MWh

SOWATCO: 3,204.141 MWh

CẢNG MIỀN NAM: 31.529 MWh

VIETRANSTIMEX: 106.961 MWh

Mức tiêu thụ nhiên liệu dầu DO trong quá trình vận hành các phương tiện ở mức khoảng 4,261.611 m^3, cụ thể:

SOTRANS LOGISTICS: 1,301.333 m^3

SOWATCO: 2,346.278 m^3

VIETRANSTIMEX: 614 m^3

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Công ty luôn nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng đối với toàn thể cán bộ nhân viên thông qua các chiến dịch phát động tiết kiệm sử dụng nguồn năng lượng tại công ty.

Sotrans tăng cường các biện pháp tiết kiệm năng lượng từ việc chuyển đổi thay thế và sử dụng các thiết bị đèn LED tiết kiệm năng lượng chiếu sáng trong văn phòng, kho, sân bãi, cảng.

Đưa ra các khuyến nghị về tiết kiệm điện, nước tại nơi làm việc như Tắt điện khi không sử dụng và Tiết kiệm nước.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

Sotrans Logistics: Chứng chỉ Xanh Cấp độ 2 về việc thực hiện chương trình Phát triển bền vững trong Vận chuyển hàng hóa xanh từ tổ chức Green Freight Asia (GFA) trong năm 2023.

Sowatco: đánh giá giám sát lần 1 cho việc duy trì chứng nhận ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018
- ISO 14001:2015: Đạt công tác duy trì Chứng nhận 2022 về Hệ thống quản lý môi trường (EMS) trong năm 2023
- ISO 45001:2018: Đạt công tác duy trì Chứng nhận 2022 về Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp trong năm 2023

Vietranstimex: tái chứng nhận
- ISO 14001:2015: Đạt Chứng nhận về Hệ thống quản lý môi trường (EMS) vào ngày 14/01/2023
- ISO 45001:2018: Đạt Chứng nhận về Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp vào ngày 18/04/2023
- ISO 9001:2015: Đạt Chứng nhận về Hệ thống quản lý chất lượng vào ngày 26/03/2023.

6.3. TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng
Đơn vị cấp nước Thành phố, mức tiêu thụ nước của các công ty trong năm 2023:

SOTRANS LOGISTICS: 17,101 m^3

SOWATCO: 55,770 m^3

CẢNG MIỀN NAM: 600 m^3

VIETRANSTIMEX: 11,208 m^3

6.4. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có vi phạm.
Công ty tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường bằng cách:
- Trang bị bổ sung thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại các loại;
- Định danh và kẻ layout cho khu vực lưu chứa chất thải nguy hại, vị trí lưu chứa chất thải sinh hoạt, xây vách cô lập nơi lưu chứa CTRNH dạng lỏng;
- Ban hành Quy định quản lý chất thải và hướng dẫn nhân viên phân loại chất thải tại nguồn;
- Công ty có ký hợp đồng thu gom Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại tại nguồn với đơn vị nhà thầu có năng lực;
- Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường, Lập hồ sơ Đăng ký môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số người lao động trong hệ thống SOTRANS tại thời điểm ngày 31/12/2023 là 1.165 người. Tất cả lao động đều được ký kết hợp đồng lao động, SOTRANS luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

6.6. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

a) Số lượng lao động:

SOTRANS LOGISTICS: 423 nhân viên

SOWATCO: 523 nhân viên

VIETRANSTIMEX: 138 nhân viên

CẢNG MIỀN NAM: 16 nhân viên

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
- Lập hồ sơ vệ sinh lao động,
- Quan trắc môi trường lao động,
- Đánh giá Ecgonomi,
- Khám sức khỏe định kỳ hằng năm,
- Khám tầm soát bệnh nghề nghiệp đối với nhân viên làm việc nặng nhọc độc hại, tiếp xúc trực tiếp với xăng dầu,
- Trang cấp phương tiện bảo hộ lao động cá nhân.

c) Hoạt động đào tạo người lao động liên quan S.H.E:
Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

Đào tạo Huấn luyện An toàn vệ sinh lao động:
- Nhóm 1: số giờ trung bình lần đầu 16 giờ; lần 2 là 08 giờ (định kỳ 2 năm/lần)
- Nhóm 2: số giờ trung bình lần đầu 48 giờ; lần 2 là 24 giờ (định kỳ 2 năm/lần)
- Nhóm 3: số giờ trung bình lần đầu 24 giờ; lần 2 là 12 giờ (định kỳ 2 năm/lần)
- Nhóm 4: số giờ trung bình lần đầu 16 giờ; lần 2 là 08 giờ (định kỳ 1 năm/lần)
- Nhóm 6: số giờ trung bình lần đầu 04 giờ; lần 2 là 02 giờ (định kỳ 2 năm/lần)

Đào tạo Huấn luyện Sơ cấp cứu: tổ chức định kỳ hằng năm
- Người lao động: số giờ trung bình lần đầu 04 giờ; hằng năm là 02 giờ
- Lực lượng sơ cấp cứu: số giờ trung bình lần đầu 16 giờ; hằng năm là 08 giờ

Huấn luyện và Thực tập kế hoạch diễn tập PCCC&CNCH: tổ chức định kỳ hằng năm

Đào tạo Huấn luyện An toàn điện:
- Số giờ trung bình lần đầu 24 giờ; hằng năm là 08 giờ.
- Huấn luyện lại: Khi người lao động chuyển đổi vị trí công việc hoặc thay đổi bậc an toàn hoặc có sự thay đổi thiết bị, công nghệ; khi kết quả kiểm tra của người lao động không đạt yêu cầu hoặc khi người lao động đã nghỉ làm việc từ 6 tháng trở lên. Thời gian huấn luyện lại ít nhất 12 giờ.

6.7. CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong năm 2023, công ty đã tổ chức các chương trình thiện nguyện và trách nhiệm xã hội như: hiến máu nhân đạo, trồng cây xanh, dọn rác bãi biển, đào tạo lái xe phòng vệ sinh thái, tham gia chương trình Nuôi Em, ...

6.8. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Đồng hành và đẩy mạnh các hoạt động xã hội thiết thực để góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ nhân viên với sự phát triển chung của cộng đồng.
Xây dựng môi trường làm việc tốt để người lao động phát huy năng lực cá nhân, gắn bó và cống hiến cho công ty đồng thời thu hút nhân tài.

6.9. NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Toàn bộ các công ty trong hệ thống SOTRANS thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp các khoản thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), và các khoản phải nộp ngân sách khác theo đúng quy định.



PHẦN 3

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2023

Năm 2023, Sotrans ghi nhận doanh thu 1.795.636 tỉ đồng, đạt lần lượt 68% và 60% so với năm 2022 và kế hoạch năm 2023. Lợi nhuận gộp đạt lần lượt là 64% và 52% so với năm 2022 và kế hoạch năm 2023. Theo đó, lợi nhuận hoạt động chính đạt 56% so với năm 2022. Bên cạnh đó, do tình hình kinh tế chưa thuận lợi, kế hoạch mua bán sáp nhập (M&A) trong năm 2023 chưa được thực hiện như phê duyệt dẫn tới các chỉ tiêu kinh doanh chưa đạt như kỳ vọng.

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2023	% so sánh thực hiện 2022	% so sánh kế hoạch 2023
Doanh thu	2.639.255	1.795.636	2.990.506	68%	60%
Lợi nhuận gộp	451.945	288.354	549.899	64%	52%
Lợi nhuận hoạt động chính	293.755	165.212	334.637	56%	49%
Lợi nhuận trước thuế	306.086	220.360	473.409	72%	47%
Lợi nhuận sau thuế	253.562	150.680	388.427	59%	39%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán)

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

A. TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	Biến động	Tỷ lệ biến động (%)
A -TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.171.257	994.212	177.045	18%
- Tiền và các khoản tương đương tiền	606.880	347.435	259.444	75%
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	67.891	74.669	(6.777)	-9%
- Các khoản phải thu ngắn hạn	426.461	440.783	(14.322)	-3%
- Hàng tồn kho	57.963	113.945	(55.982)	-49%
- Tài sản ngắn hạn khác	12.062	17.380	(5.317)	-31%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**1.697.421**	**1.789.823**	**(92.402)**	**-5%**
- Các khoản phải thu dài hạn	4.425	4.328	97	2%
- Tài sản cố định	983.377	906.342	77.035	8%
- Tài sản dở dang dài hạn	79.925	246.590	(166.665)	-68%
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	554.190	529.890	24.300	5%
- Tài sản dài hạn khác	51.816	68.735	(16.919)	-25%
- Lợi thế thương mại	23.687	33.938	(10.251)	-30%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**2.868.678**	**2.784.035**	**84.643**	**3%**

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán)

B. TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	Biến động	Tỷ lệ biến động (%)
A - NỢ PHẢI TRẢ	**614.033**	**660.321**	**(46.288)**	**-7%**
- Nợ ngắn hạn	480.993	484.587	(3.595)	-1%
- Nợ dài hạn	133.041	175.734	(42.693)	-24%
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**2.254.645**	**2.123.714**	**130.931**	**6%**
- Vốn chủ sở hữu	2.254.645	2.123.714	130.931	6%
TỔNG NGUỒN VỐN	**2.868.678**	**2.784.035**	**84.643**	**3%**

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán)

Tại ngày 31/12/2023, tổng tài sản và tổng nguồn vốn của công ty tăng 3% so với đầu năm tương đương gần 85 tỷ đồng. Năm 2023, kế thừa việc định hướng tập trung vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi, Sotrans tiếp tục đầu tư vào tài sản dài hạn để gia tăng giá trị hoạt động kinh doanh của nhóm công ty, nâng tổng tài sản của nhóm công ty lên 2.868 tỷ đồng. Bên cạnh đó, nhóm công ty cũng thắt chặt tín dụng, hạn chế rủi ro thanh khoản làm cho khoản mục tiền và tương đương tiền tăng 75%, khoản mục phải thu khách hàng giảm 3% so với năm trước.

SOTRANS cũng tuân thủ chặt chẽ kế hoạch thanh toán cho nhà cung cấp, các khoản vay của các tổ chức tín dụng cùng với chính sách thắt chặt tín dụng làm cho Khả năng thanh toán ngắn hạn của nhóm công ty tăng lên mức 2,44 lần so với mức 2,05 lần của năm 2022. Đòn bẩy tài chính được Nhóm công ty điều chỉnh về mức an toàn theo chính sách chung của Sotrans. Theo đó, hệ số nợ trên Tổng tài sản được điều chỉnh về mức 0,21 lần từ mức 0,24 lần của năm 2022 và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu ở mức 0,27 lần từ mức 0,31 lần trong năm 2022.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ:

Công ty tái cấu trúc các mảng kinh doanh theo hướng chuyên môn hóa và tập trung vào dịch vụ cốt lõi. Sotrans Logistics phát triển mạnh mảng giao nhận vận chuyển quốc tế và nội địa bên cạnh đó tập trung phát triển mảng kho và tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới trong các khu vực có tiềm năng như Bà Rịa Vũng Tàu, Long An... Vietranstimex tập trung vào mảng vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng với trọng tâm là vận chuyển và lắp đặt cầu. Sowatco tập trung phát triển mảng khai thác cảng và vận chuyển đường thủy. Cảng Miền Nam tập trung kinh doanh mảng xăng dầu.

Công ty tập trung đầu tư vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi và hiện đại hóa hoạt động kinh doanh:

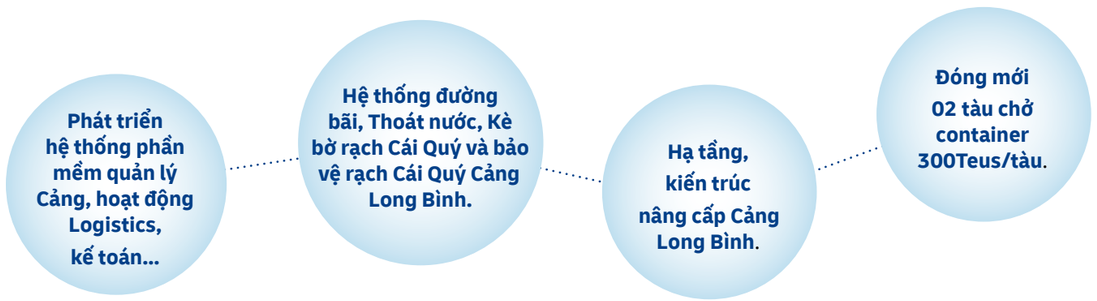

- Từng bước xây dựng hệ thống báo cáo quản trị để đánh giá hiệu quả hoạt động, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự.
- Quản lý chặt chẽ hoạt động tài chính – kế toán để tăng hiệu quả đồng vốn, giảm chi phí và tránh chiếm dụng vốn trong khâu bán hàng.
- Thực hiện tốt chính sách đối với khách hàng: chọn lọc những khách hàng có uy tín và năng lực làm đối tác, thực hiện chính sách giao dịch với khách hàng một cách có chọn lọc và thắt chặt các điều khoản thanh toán để duy trì hoạt động kinh doanh được ổn định, hạn chế thấp nhất rủi ro về tài chính. Đồng thời cải tiến các phương thức giao dịch theo hướng tạo thuận lợi cho khách hàng.
- Tăng cường giám sát việc thực hiện quy chế, nội quy, kỷ luật lao động, thời gian làm việc... của các phòng ban và của toàn thể cán bộ nhân viên công ty.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2024

Để đạt được kết quả kinh doanh theo kế hoạch năm 2024, công ty tiếp tục phát triển theo 5 trụ cột chính:

A. CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH KINH DOANH:

Tập trung chuyên môn hóa các lĩnh vực kinh doanh của từng công ty thành viên nhằm phát huy tối đa năng lực và hiệu quả hoạt động.

- Sotrans Logistics tập trung phát triển mảng giao nhận vận chuyển quốc tế, nội địa và mở rộng hoạt động kinh doanh kho bãi.
- Vietranstimex tiếp tục tập trung phát triển mảng vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng đáp ứng cho các ngành công nghiệp quan trọng như: điện lực, dầu khí, hóa dầu, xi măng, giao thông... không chỉ phục vụ cho thị trường trong nước mà còn vươn ra thị trường khu vực Đông Nam Á bằng cách hợp tác với các đối tác lớn nhất ở từng thị trường.
- Sowatco tập trung phát triển khai thác cảng và vận chuyển đường thủy tại Việt Nam, tìm kiếm cơ hội để mở rộng hoạt động kinh doanh ở khu vực miền Bắc.

B. CHUYỂN ĐỔI NHÂN SỰ VÀ TỔ CHỨC:

Tập trung tái cấu trúc nhân sự và tổ chức đáp ứng cho việc chuyển đổi mô hình kinh doanh và nhu cầu phát triển trong tương lai.

C. TÁI CẤU TRÚC VÀ TỐI ƯU HÓA TÀI SẢN:

- Xây dựng phương án khai thác tối ưu tài sản.
- Chuyển đổi cơ cấu sở hữu và sử dụng tài sản hợp lý. Hoán chuyển tài sản giữa các đơn vị thành viên theo chức năng hoạt động.
- Đầu tư trang thiết bị và hạ tầng hiện đại phục vụ hoạt động khai thác và phát triển kinh doanh.
- Tiếp tục phát triển các dự án về mảng kho hóa chất và hệ thống cảng khu vực miền Bắc.

D. VẬN HÀNH HIỆU QUẢ:

- Tối ưu hóa vận hành bằng hệ thống qui trình, qui định chặt chẽ. Bên cạnh đó đẩy mạnh hệ thống quản lý và đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành hoạt động Logistics.
- Ứng dụng hệ thống phần mềm trong quản lý kinh doanh từng mảng dịch vụ cụ thể, tối ưu hóa việc theo dõi và quản lý liên tục.
- Siết chặt quy trình quản lý tài chính để nhằm hạn chế tối đa các rủi ro về tài chính của Sotrans.

E. TÍCH HỢP MÔ HÌNH KINH DOANH CHUỖI DỊCH VỤ:

- Liên kết các đơn vị trong hệ thống, hình thành chuỗi dịch vụ Logistics đáp ứng nhu cầu phát triển của khách hàng. Nhằm cung cấp chuỗi dịch vụ Logistics với giá thành tối ưu nhất đến với tất cả các nhóm khách hàng.
- Quản lý dịch vụ khách hàng thông qua quá trình theo dõi và vận chuyển xuyên suốt.
- Đẩy mạnh việc cung cấp giải pháp Logistics và mang công nghệ áp dụng vào việc vận hành đến các nhóm khách hàng mục tiêu lớn.

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN:

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và hợp nhất.

PHẦN 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

A. VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH:

Năm 2023 tiếp tục là một năm nhiều biến động và khó khăn của kinh tế toàn cầu cũng như Việt Nam. Trong bối cảnh đó, công ty đã bám sát các định hướng trọng yếu được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể tháng 6/2023, ĐHĐCĐ đã thông qua các chỉ tiêu kinh doanh cho công ty với tổng doanh thu mục tiêu là 2.990,5 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế ước đạt 473,4 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế ước đạt 388,4 tỷ đồng. Với nhiệm vụ này, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo công ty khắc phục những điều kiện bất lợi, nỗ lực triển khai các giải pháp kinh doanh đồng bộ, kịp thời ứng phó các tình huống kinh doanh khó khăn từ sau đại dịch, thị trường kinh tế, thị trường Logistics gặp nhiều ảnh hưởng...

Công ty đẩy mạnh vai trò thông qua quản trị xuyên suốt các đơn vị thành viên với các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể trên bốn trụ cột: Tài chính kế toán, Kiểm toán nội bộ, Nhân sự, Công nghệ thông tin.
Một số chỉ tiêu chính thể hiện trong bảng dưới đây:

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2023	% so sánh Kế hoạch 2023
1	Doanh thu	1.795.636	2.990.506	60%
2	Lợi nhuận trước thuế	220.360	473.409	47%
3	Lợi nhuận sau thuế	150.680	388.427	39%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán)

B. VỀ TỔ CHỨC NHÂN SỰ VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG:

- Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng bổ sung đầy đủ nhân lực cho hoạt động, bổ nhiệm các vị trí quản lý của công ty, các phòng ban.

- Công ty luôn chăm lo đến đời sống cán bộ công nhân viên, đảm bảo công ăn việc làm đều đặn cho cán bộ công nhân viên chức. Chính sách lương thưởng đều được thực hiện đầy đủ theo quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị ban hành.

- Xác định nhân sự là nguồn lực quan trọng nhất, công ty chủ động xây dựng nguồn nhân lực chất lượng thông qua triển khai các giải pháp như: nhiều chương trình đào tạo cho đội ngũ quản lý và người lao động nhằm nâng cao chuyên môn và kỹ năng hướng tới văn hóa tổ chức học tập, xây dựng chương trình đãi ngộ tổng thể với mục tiêu giữ chân và thu hút nhân tài, bổ nhiệm và luân chuyển nhiều vị trí nhân sự lãnh đạo nhằm tăng cường năng lực quản trị điều hành...

C. VỀ CÔNG TÁC ĐOÀN THỂ VÀ XÃ HỘI:

Công ty và các đơn vị thành viên luôn chú trọng và khuyến khích các hoạt động của Công đoàn, Đảng, Đoàn Thanh Niên trong công ty trong các hoạt động chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên, các phong trào thi đua, các phong trào thể thao... Bên cạnh đó, đề cao yếu tố môi trường và hướng tới phát triển bền vững thông qua việc phát triển các sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Ban lãnh đạo cũng định hướng chủ động áp dụng Khung quản trị tích hợp ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị doanh nghiệp) bài bản và có hệ thống trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài việc ổn định hoạt động kinh doanh để tạo việc làm cho hàng nghìn lao động trong toàn hệ thống, công ty và các đơn vị thành viên còn có những đóng góp thiết thực cho xã hội với nhiều hoạt động tài trợ, thiện nguyện như hiến máu nhân đạo, trồng cây xanh, dọn rác bãi biển Cần Giờ, trao tặng quà, trang thiết bị cho Trung tâm bảo trợ xã hội Phan Thiết, trao tặng quà cho các bé thiếu nhi vùng sâu vùng xa và nhiều khoản tài trợ, thiện nguyện khác.

D. VỀ QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ:

- Công ty thực hiện việc công bố thông tin của công ty niêm yết theo quy định của pháp luật.
- Các thông tin được cung cấp đầy đủ kịp thời đúng quy định.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGĐ CÔNG TY

- Trải qua một năm kinh doanh nhiều thách thức, Hội đồng quản trị đã luôn song hành cùng Ban Tổng Giám đốc trong từng hoạt động, bám sát thị trường, đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Hội đồng quản trị đánh giá rất cao sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023. Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban điều hành được thực hiện thông qua việc Hội đồng Quản trị chất vấn Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý điều hành về kết quả hoạt động trong kỳ tại các phiên họp định kỳ và khi đến làm việc với các đơn vị.

- HĐQT luôn giám sát công việc thực hiện của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành công việc về hoạt động SXKD của công ty cũng như giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quyết định của HĐQT đã được thông qua, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Hiện nay, Tổng Giám đốc đồng thời là Thành viên HĐQT, do vậy, Tổng Giám đốc luôn kịp thời ghi nhận các nội dung định hướng, chỉ đạo của HĐQT và tổ chức triển khai có kết quả trên toàn hệ thống công ty. Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã hoàn thành tốt vai trò của mình thể hiện qua việc chỉ đạo và triển khai hiệu quả các quyết định của Hội đồng Quản trị. Công tác quản trị điều hành theo những thông lệ quản trị tốt nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động. Công tác công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Để đạt được mục tiêu doanh thu và lợi nhuận, Hội đồng quản trị định hướng một số giải pháp chính như sau:

- Thực hiện đúng vai trò Holdings, là đầu mối tập trung sức mạnh trong quản trị cũng như hỗ trợ toàn diện các đơn vị trong hệ thống như hỗ trợ về tài chính, pháp lý, quản lý dự án, IT,... tạo điều kiện tốt nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị.

- Tiếp tục tăng cường giám sát, song hành cùng Ban Tổng Giám đốc để thực hiện thành công các Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chú trọng thúc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án công ty có tham gia đầu tư.

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của công ty vượt qua các khó khăn, giữ ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 do Đại hội đồng cổ đông giao. Phối hợp chặt chẽ và cùng với Ban Tổng Giám đốc điều hành triển khai các giải pháp quản trị đã đặt ra, kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động từng tháng, từng quý, chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp điều hành kịp thời, có hiệu quả để đảm bảo đạt được mục tiêu kế hoạch đặt ra.

- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn công ty an toàn, hiệu quả.

- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của công ty. Hỗ trợ tích cực các hoạt động của đơn vị thành viên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư vốn của SOTRANS tại các công ty thành viên.

- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới, phát triển lĩnh vực hoạt động của công ty kết hợp nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty và các quy chế khác. Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

PHẦN 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Số lượng chức danh thành viên HĐQT do từng thành viên HĐQT nắm giữ tại công ty khác
1	**Ông Trần Tuấn Anh** (bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT từ 12/04/2019)	Chủ tịch HĐQT	0	0%	- Tổng Giám đốc CTCP Giao nhận và Vận chuyển IN DO TRẦN - Thành viên HĐQT Tổng CTCP Đường Sông Miền Nam - Chủ tịch HĐQT CT Liên doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1 - Chủ tịch CT TNHH INDO-TRANS KEPPEL Logistics Việt Nam - Chủ tịch Hội đồng thành viên CT TNHH Air cargo Logistics Việt Nam - Chủ tịch CT TNHH MTV SOTRANS Logistics
2	**Ông Nguyễn Quốc Thúc** (bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT từ 30/06/2020)	Phó Chủ tịch HĐQT, Ủy viên UBKT	0	0%	- Phó Tổng Giám đốc Nguồn nhân lực CTCP Giao nhận và Vận chuyển - IN DO TRẦN
3	**Ông Đặng Vũ Thành** (bổ nhiệm từ 30/06/2020)	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	85.776	0,0873%	- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng CTCP Đường Sông Miền Nam - Chủ tịch HĐQT CTCP Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex - Thành viên HĐQT CT Liên doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1 - Chủ tịch HĐQT CTCP Cảng Miền Nam
4	**Ông Đỗ Lê Hùng** (bổ nhiệm từ 27/09/2019)	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch UBKT	0	0%	- Thành viên HĐQT CTCP Sữa Việt Nam (Vinamilk) - Thành viên HĐQT CTCP Dược Hậu Giang - Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư & Phát triển Bất động sản An Gia - Thành viên HĐQT CTCP Cơ Điện Lạnh
5	**Ông Lee Kian Huat** (Peter) (bổ nhiệm từ 12/05/2022)	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%	- Cố vấn pháp lý Symphony Asia Holdings Pte Ltd

6	**Ông Phay Wenfu Daniel** (bổ nhiệm từ 21/06/2023)	Thành viên HĐQT	0	0%	- Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám Đốc của CT TNHH PSA Cargo Solutions Việt Nam. - Thành viên HĐQT của CTCP Tân Cảng Quế Võ.
7	**Bà Seow Hwee** (bổ nhiệm từ 21/06/2023)	Thành viên HĐQT	0	0%	- Chủ tịch và Giám đốc của Asia Automobile Terminal (Singapore) Pte. Ltd. - Chủ tịch và Giám đốc của PSA Cargo Solutions (SEA) Pte. Ltd. - Giám đốc của Portnet.com Pte. Ltd. - Chủ tịch Ủy viên của PT PSA Cargo Solutions Indonesia.

B. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (HĐQT) công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam gồm có 2 thành viên như sau:

STT	Họ tên	Chức danh	Vị trí	Ngày bắt đầu/ Kết thúc là thành viên Ủy ban Kiểm toán
1	Ông Đỗ Lê Hùng	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, Thành viên HĐQT độc lập	Chủ tịch UBKT	Bắt đầu từ 05/11/2019
2	Ông Nguyễn Quốc Thúc	Thành viên Ủy ban kiểm toán, Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên	Bắt đầu từ 30/06/2020

C. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

HĐQT tổ chức họp 17 phiên họp gồm các phiên thường kỳ và lấy phiếu biểu quyết bằng hình thức gửi văn bản, qua email nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Tất cả các cuộc họp HĐQT đều được ghi biên bản đầy đủ và được HĐQT thông qua, được lưu giữ tại trụ sở công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Trong các phiên họp, tất cả các thành viên tham dự đầy đủ.

Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, các nội dung biểu quyết đều được thông qua với sự nhất trí 100% của các thành viên dự họp, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự.

HĐQT đã trực tiếp thảo luận, quyết định các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tại các kỳ Đại hội. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, phê duyệt tờ trình của Tổng Giám đốc và nghe Tổng Giám đốc báo cáo, giải trình kế hoạch SXKD của công ty.

HĐQT thường xuyên giám sát Ban điều hành trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các thành viên HĐQT đã tham dự trực tiếp các cuộc họp của HĐQT và biểu quyết, cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham gia họp
1	Ông Trần Tuấn Anh	17/17	100%	
2	Ông Nguyễn Quốc Thúc	17/17	100%	
3	Ông Đặng Vũ Thành	17/17	100%	
4	Ông Đỗ Lê Hùng (thành viên HĐQT độc lập)	17/17	100%	
5	Ông Lee Kian Huat (Peter) (thành viên HĐQT độc lập)	17/17	100%	
6	Ông Phay Wenfu Daniel	7/17	41,2%	Bổ nhiệm từ ngày 21/06/2023
7	Bà Seow Hwee	7/17	41,2%	Bổ nhiệm từ ngày 21/06/2023

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2023:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/STG/NQ-HĐQT	18/01/2023	Bổ nhiệm cán bộ - ông Nguyễn Mai Khánh Trình giữ vị trí Giám đốc Tài chính
2	02/STG/NQ-HĐQT	01/02/2023	Kế hoạch tổ chức và chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
3	03/STG/NQ-HĐQT	02/03/2023	Thông qua hợp đồng khoản vay giữa công ty với Công ty cổ phần Cảng Miền Nam
4	05/STG/NQ-HĐQT	03/03/2023	Thông qua nội dung tài liệu trình ĐHĐCĐ để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
5	08/STG/QĐ-HĐQT	20/03/2023	Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Kho Vận Miền Nam
6	09/STG/NQ-HĐQT	25/04/2023	Gia hạn thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2023 và Kế hoạch tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
7	10/STG/NQ-HĐQT	16/05/2023	Sáp nhập CT TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans ("SII")
8	11/STG/NQ-HĐQT	16/05/2023	Chủ trương cho CTCP Vận Tải Đa Phương Thức Vietranstimex thành lập VPĐD tại Lào
9	12/STG/NQ-HĐQT	31/05/2023	Thông qua chương trình và nội dung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2023
10	13/STG/NQ-HĐQT	12/06/2023	Thông qua bổ sung chương trình họp, cập nhật/bổ sung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2023

11	14/STG/QĐ-HĐQT	21/06/2023	Quyết định ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng CTCP Đường Sông Miền Nam
12	15/STG/QĐ-HĐQT	21/06/2023	Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị công ty
13	16/STG/QĐ-HĐQT	21/06/2023	Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT
14	17/STG/QĐ-HĐQT	21/06/2023	Bổ nhiệm cán bộ - Ông Phay Wenfu Daniel giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc
15	18/STG/NQ-HĐQT	21/06/2023	Ý kiến của HĐQT thông qua việc chào mua công khai của PSA
16	23/STG/NQ-HĐQT	29/06/2023	Phân phối mức thưởng cho HĐQT năm 2022
17	22/STG/QĐ-HĐQT	29/06/2023	Tái bổ nhiệm cán bộ - Ông Đặng Vũ Thành giữ chức vụ Tổng Giám đốc
18	24/STG/NQ-HĐQT	17/07/2023	Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2023
19	25/STG/NQ-HĐQT	24/08/2023	Phê duyệt ý kiến đối với việc chào mua công khai cổ phiếu Công ty CP Kho Vận Miền Nam của PSA Cargo Solutions Vietnam Investments Pte. Ltd.
20	26/STG/QĐ-HĐQT	24/08/2023	Tái bổ nhiệm Ông Nguyễn Hoàng Giang giữ chức vụ Kế Toán Trưởng kiêm Trưởng Phòng Kế Toán
21	27/STG/NQ-HĐQT	22/12/2023	Chấp thuận chủ trương cho CTCP Vận Tải Đa Phương Thức Vietranstimex (VTX) đầu tư kho bãi Vũng Thùng, Đà Nẵng
22	28/STG/NQ-HĐQT	29/12/2023	Trích tiền lương vào giá thành SXKD năm 2023

D. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP:

- Ông Đỗ Lê Hùng được bổ nhiệm làm Thành viên HĐQT độc lập từ ngày 27/9/2019 và bổ nhiệm làm Chủ tịch Ủy Ban kiểm toán từ ngày 05/11/2019.

- Ông Lee Kian Huat được bổ nhiệm làm Thành viên HĐQT độc lập từ ngày 12/05/2022.

E. ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

Công ty luôn xác định vai trò quan trọng của quản trị công ty đối với hiệu quả hoạt động kinh doanh cũng như mục tiêu phát triển an toàn, bền vững. Trong năm 2023, các thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán, Ban điều hành, cán bộ quản lý, người phụ trách quản trị công ty đã tham dự các buổi hội nghị, hội thảo cho các đơn vị tư vấn quốc tế, các Sở ban ngành, các đối tác chiến lược tổ chức để cập nhật, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về quản trị công ty. Trong thời gian tới, công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu triển khai tham dự các khóa học về quản trị công ty do UBCKNN và các đơn vị đào tạo có uy tín tổ chức dành cho Ban điều hành và các cấp quản lý của công ty nhằm nâng cao kiến thức về quản trị công ty.

2. ỦY BAN KIỂM TOÁN:

A. THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN:

STT	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của CT (%)
1	**Ông Đỗ Lê Hùng**	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, Thành viên HĐQT độc lập	Ngày bắt đầu là Chủ tịch UBKT: 05/11/2019	Thạc sỹ kinh tế, tài chính	0%
2	**Ông Nguyễn Quốc Thúc**	Thành viên Ủy ban kiểm toán, Phó Chủ tịch HĐQT	Ngày bắt đầu là Thành viên UBKT: 30/06/2020	Thạc sỹ chế tạo máy	0%

B. HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN:

Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành (Luật doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định 155 hướng dẫn Luật Chứng khoán, Thông tư 116 Hướng dẫn Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định 155), HĐQT đã phê duyệt cập nhật mới Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán phù hợp với Điều lệ của công ty.

- **Các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán và tham gia của các thành viên**

STT	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đỗ Lê Hùng	3/3	100%	100%	
2	Ông Nguyễn Quốc Thúc	3/3	100%	100%	

Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành

Trong năm 2023, Ủy ban kiểm toán đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ủy ban kiểm toán. Nhìn chung, hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và BĐH đã tuân thủ các quy định của Luật và các quy định pháp luật hiện hành, triển khai theo đúng định hướng và mục tiêu kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ủy ban Kiểm toán luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, thành viên BĐH và các cán bộ quản lý liên quan và luôn nhận được sự hợp tác từ phía Ban điều hành.

Ủy ban kiểm toán tham gia các cuộc họp của HĐQT, của BĐH và các cuộc họp với đơn vị kiểm toán độc lập. Ủy ban kiểm toán cũng được cung cấp các tài liệu, thông tin về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty phục vụ cho công tác kiểm soát của Ủy ban kiểm toán. Trên cơ sở kết quả giám sát, KTNB, Ủy ban kiểm toán đã đưa ra các kiến nghị, khuyến nghị về các biện pháp tăng cường giám sát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và an toàn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NHƯ SAU:

i. Tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT:

Tất cả các vấn đề quan trọng đều được thảo luận công khai, dân chủ trong HĐQT vì thế các vấn đề được đánh giá, thảo luận thấu đáo, cẩn trọng để đi đến quyết định thống nhất trước khi ra nghị quyết.

Ban điều hành luôn bám sát và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành.

ii. Báo cáo tài chính và hệ thống kế toán:

Ủy ban Kiểm toán đã xem xét và thông qua BCTC năm 2023 đã được kiểm toán.

BCTC 2023 được lập và trình bày trung thực, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

Trong niên độ kế toán, công ty đã áp dụng ổn định chính sách kế toán và nguyên tắc xác định các ước tính kế toán, không có điều chỉnh trọng yếu hay vấn đề đáng kể nào được ghi nhận đối với chính sách kế toán và ước tính kế toán.

Giao dịch với các bên liên quan được theo dõi, báo cáo và kiểm soát theo quy định; không phát hiện bất thường đối với các giao dịch bên liên quan.

Không phát hiện gian lận, sai sót trọng yếu có thể ảnh hưởng đến tính trung thực của BCTC.

Ủy ban Kiểm toán ghi nhận các phát hiện và khuyến nghị của Kiểm toán độc lập trong Thư quản lý 2023 cũng như kế hoạch thực hiện khuyến nghị của Ban điều hành.

iii. Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro:

Sau quá trình tái cấu trúc cơ cấu nguồn vốn, cơ cấu cổ đông, công ty đã triển khai nhiều kế hoạch đồng bộ nhằm tái cấu trúc và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nền tảng quản lý kiểm soát và quản trị công ty hiện đang đang trong quá trình hợp lý hóa, tối ưu hóa và cải thiện rõ rệt. Trong đó có thể kể đến việc công ty đã xây dựng và đang triển khai trên quy mô toàn công ty và các công ty thành viên chiến lược phát kinh doanh 2021-2024. Việc này là minh chứng cho khả năng và tính thực thi mô hình quản trị chiến lược hiện đại, là một trong những biện pháp kiểm soát rủi ro chiến lược công ty.

Bên cạnh đó, công ty đã đồng thời triển khai các kế hoạch chuyển đổi về cơ cấu tổ chức, nhân sự và công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ cho việc thực hiện chiến lược phát triển kinh doanh 2021-2024.

Các kế hoạch chuyển đổi liên quan đến cấu trúc tài chính, hệ thống kế toán, cấu trúc tài sản đang từng bước được triển khai đồng bộ.

Ủy ban Kiểm toán đánh giá với các biện pháp và kế hoạch cụ thể, thích hợp sẽ giảm thiểu đáng kể rủi ro và tăng khả năng đạt được các mục tiêu chiến lược phát triển kinh doanh đã đề ra.

Công ty nên tăng cường và ưu tiên cho công tác quản lý rủi ro nói chung và rủi ro hoạt động sau tái cơ cấu nói riêng để đảm bảo các kế hoạch chuyển đổi được thực hiện như kỳ vọng.

Việc củng cố hệ thống KSNB và QLRR hoạt động đang được tiếp tục duy trì thông qua hệ thống hóa, cập nhật các quy trình hoạt động của Sotrans Holding và các công ty thành viên với sự hỗ trợ của Ban Kiểm toán nội bộ.

iv. Kiểm toán nội bộ:

Chức năng kiểm toán nội bộ đang hoạt động hiệu quả, đóng góp đáng kể vào việc cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro. Bộ máy và cơ cấu nhân sự KTNB khá ổn định và đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ được giao.

KTNB ở Sotrans có vị thế và phương pháp hoạt động đang từng bước tiệm cận với những thông lệ tốt và chuẩn về KTNB, đồng thời phù hợp với các quy định của pháp luật và hướng dẫn về KTNB do Bô Tài chính ban hành.

Năm 2023, KTNB đã hoàn thành kế hoạch kiểm toán được UBKT và Tổng giám đốc phê duyệt theo thời hạn và nguồn lực dự kiến.

Các khuyến nghị của kiểm toán nội bộ được các đơn vị và công ty thành viên tiếp thu, triển khai nghiêm túc, kịp thời thông qua các kế hoạch thực hiện cụ thể, được kiểm toán nội bộ theo dõi.

v. Kiểm toán độc lập:

Ernst & Young đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo hợp đồng kiểm toán đã ký kết với Sotrans, đáp ứng kỳ vọng của Ủy ban Kiểm toán trên các tiêu chí: Đảm bảo độ tin cậy, trung thực và chất lượng của báo cáo kiểm toán BCTC; Tuân thủ thời hạn kiểm toán theo quy định; Tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán; Đóng góp, khuyến nghị của Kiểm toán độc lập trong cải thiện hệ thống KSNB.



3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN:

A. LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Tại thời điểm ngày 31/12/2023, công ty có 08 thành viên HĐQT.

Lương, thưởng, thù lao cho các thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 (đồng)	Năm 2022 (đồng)
1	**Trần Tuấn Anh**	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	180.000.000
2	**Nguyễn Quốc Thúc**	Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán	120.000.000	120.000.000
3	**Đỗ Lê Hùng**	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	504.000.000	504.000.000
4	**Đặng Vũ Thành**	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	2.292.589.159	2.113.940.000
5	**Đặng Doãn Kiên**	Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán (miễn nhiệm ngày 12/5/2022)	0	47.333.334
6	**Lee Kian Huat**	Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm ngày 12/5/2022)	121.000.000	75.000.000
7	**Phay Wenfu, Daniel**	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 21/06/2023)	678.730.000	0
8	**SEOW HWEE**	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 21/06/2023)	63.000.000	0

Tổng lương, thưởng, thù lao đã chi cho các thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023 là **3.959.319.159 đồng** (2022: 3.040.273.334 đồng).

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023, ngoài thù lao chi hàng tháng cho HĐQT, mức thưởng hoàn thành kế hoạch năm 2023 cho HĐQT là 1% lợi nhuận sau thuế hợp nhất nếu lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt hoặc vượt kế hoạch năm đã được ĐHĐCĐ thông qua.

B. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	CTCP Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Công ty mẹ	95,054,807	96,74%	97,203,107	98,93%	mua tăng tỷ lệ sở hữu
2	CTCP Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Công ty mẹ	97,203,107	98,93%	72,738,021	74.03%	bán giảm tỷ lệ sở hữu
3	PSA Cargo Solutions Vietnam Investments pte. Ltd.	Cổ đông lớn	0	0%	24,465,086	24.90%	mua tăng tỷ lệ sở hữu
4	PSA Cargo Solutions Vietnam Investments pte. Ltd.	Cổ đông lớn	24,465,086	24.90%	29,476,007	29,99%	mua tăng tỷ lệ sở hữu
5	CTCP Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Công ty mẹ	72,738,021	74.03%	68,107,007	69,32%	bán giảm tỷ lệ sở hữu

C. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU VỚI NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN:

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Cty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch trong năm 2023
1	CT Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1 (“VICT”)	Công ty liên kết	Nhận cổ tức: 51.171.000.000 đ Cung cấp dịch vụ: 78.352.435.778 đ Bán hàng hóa: 28.395.620.163 đ Sử dụng dịch vụ: 813.299.348 đ
2	CTCP Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết	Nhận cổ tức: 22.500.000.000 đ Cung cấp dịch vụ: 3.402.779 đ
3	CTCP Dịch vụ Tổng hợp Đường Thủy Miền Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ: 239.777.365 đ
4	CTCP Giao nhận và Vận chuyển Indo Trans	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ: 1.805.801.017 đ Mua tài sản và công cụ, dụng cụ: 0 đ Sử dụng dịch vụ: 42.425.113.571 đ
5	CTCP Cảng Miền Nam	Công ty con	Cho thuê cảng Lãi vay: 780.984.660 đồng Trả gốc vay: 17.000.000.000 đồng

6	CT TNHH MTV SOTRANS Logistics	Công ty con	Cung cấp dịch vụ: 361.191.348 đồng Cho thuê kho, văn phòng: 28.924.168.876 đồng Mua dịch vụ: 291.160.107 đồng Bán hàng hóa: 23.464.488.663 đồng Trả nợ vay: 33.466.047.101 đồng Vay: 0 đồng Lãi cho vay: 795.250.586 đồng
7	Tổng CTCP Đường Sông Miền Nam	Công ty con	Bán hàng: 43.721.852.110 đồng Cho thuê cảng: 57.607.770.408 đồng
8	CTCP Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty liên quan	Lãi cho vay: 941.179.179 đồng Cho thuê kho, văn phòng: 1.179.881.976 đồng Cho vay: 58.000.000.000 đồng Thu khoản cho vay: 8.000.000.000 đồng Bán hàng: 9.555.955 đồng

D. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

Công ty luôn tuân thủ, chấp hành các quy định về quản trị công ty theo quy định của nhà nước, bao gồm các quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán 2019 và các Nghị định sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành. Một số quy định về quản trị công ty đã được tuân thủ đầy đủ có thể kể đến như sau:

- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, công bố thông tin tài liệu ĐHĐCĐ đầy đủ, đúng hạn.
- Đáp ứng đủ số lượng thành viên HĐQT độc lập, thành viên HĐQT không điều hành.
- Thành viên HĐQT chỉ đồng thời là thành viên HĐQT tối đa tại 05 công ty khác.
- Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc.
- Thực hiện đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT trong năm 2023.
- Các giao dịch với bên có liên quan được thông qua đúng cấp thẩm quyền và công bố thông tin đầy đủ, phản ánh các giao dịch này tại Báo cáo tài chính và Báo cáo tình hình quản trị công ty.
- Các nội dung/sự kiện phải công bố định kỳ, bất thường theo quy định pháp luật đều đã được công bố đầy đủ, công khai, minh bạch.

PHẦN 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

EY
Building a better working world

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 66926570/11598118/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 57, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

EY
Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300611808 - C.T.T.N.H.H CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1073-2023-004-1

Đặng Minh Tài
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2815-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.171.257.229.099**	**994.211.815.808**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***606.879.728.298***	***347.435.288.802***
111	1. Tiền		140.345.207.750	144.435.288.802
112	2. Các khoản tương đương tiền		466.534.520.548	203.000.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***67.891.159.093***	***74.668.503.551***
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	683.872.558	683.872.558
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6.1	(112.713.465)	(115.087.177)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	67.320.000.000	74.099.718.170
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***	***7***	***426.461.497.353***	***440.783.484.430***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		333.829.226.252	331.556.039.041
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		53.131.543.971	57.959.381.663
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		111.371.696.792	112.446.706.832
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(71.870.969.662)	(61.178.643.106)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***8***	***57.962.582.677***	***113.944.944.752***
141	1. Hàng tồn kho		57.962.582.677	114.087.983.942
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(143.039.190)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***12.062.261.678***	***17.379.594.273***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	8.950.698.536	6.479.460.908
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	2.551.167.537	10.338.737.760
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	560.395.605	561.395.605

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.697.420.945.570**	**1.789.823.116.974**
210	***I. Phải thu dài hạn***		***4.425.241.398***	***4.327.862.125***
216	1. Phải thu dài hạn khác	10	4.425.241.398	4.327.862.125
220	***II. Tài sản cố định***		***983.376.810.128***	***906.341.918.013***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	887.241.609.739	776.795.298.597
222	Nguyên giá		2.001.468.086.696	1.794.358.793.191
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.114.226.476.957)	(1.017.563.494.594)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	64.450.108.259	69.640.721.003
225	Nguyên giá		77.859.191.181	77.859.191.181
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(13.409.082.922)	(8.218.470.178)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	31.685.092.130	59.905.898.413
228	Nguyên giá		75.227.504.468	101.977.018.947
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(43.542.412.338)	(42.071.120.534)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***79.925.290.457***	***246.590.164.858***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	79.925.290.457	246.590.164.858
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***		***554.190.498.389***	***529.890.217.511***
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết	15.1	552.561.373.750	528.261.092.872
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.2	1.629.124.639	1.629.124.639
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***75.503.105.198***	***102.672.954.467***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	36.231.863.718	52.757.567.676
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.3	15.584.047.523	15.977.624.435
269	3. Lợi thế thương mại	4	23.687.193.957	33.937.762.356
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.868.678.174.669**	**2.784.034.932.782**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**614.033.080.778**	**660.320.917.654**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***480.992.542.620***	***484.587.095.527***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	122.007.643.900	135.043.779.820
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	29.647.546.478	4.789.497.796
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	50.653.826.379	21.886.334.150
314	4. Phải trả người lao động		32.029.955.299	28.811.020.802
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	22.959.533.024	19.955.025.471
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	37.833.010.181	37.364.234.726
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	135.669.858.498	136.870.082.856
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	34.305.224.925	67.675.080.136
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	165.287.799	16.025.412.632
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		15.720.656.137	16.166.627.138
330	***II. Nợ dài hạn***		***133.040.538.158***	***175.733.822.127***
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	37.034.580.800	41.393.615.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	89.886.541.364	122.303.880.289
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.3	2.436.003.059	8.410.351.633
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	23	3.683.412.935	3.625.975.205
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.254.645.093.891**	**2.123.714.015.128**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***2.254.645.093.891***	***2.123.714.015.128***
411	1. Vốn cổ phần	24.1	982.533.570.000	982.533.570.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*982.533.570.000*	*982.533.570.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	(2.033.034.900)	(2.033.034.900)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	24.1	2.849.526.349	2.849.526.349
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	1.155.002.843.216	1.028.859.332.046
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*1.022.861.350.268*	*791.128.254.061*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*132.141.492.948*	*237.731.077.985*
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	116.292.189.226	111.504.621.633
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**2.868.678.174.669**	**2.784.034.932.782**

Lâm Chí Dũng	Nguyễn Hoàng Giang	Nguyễn Mai Khánh Trịnh	Đặng Vũ Thành
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc tài chính	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	1.795.635.736.766	2.639.254.563.108
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27, 30	(1.507.282.199.815)	(2.187.309.930.948)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		288.353.536.951	451.944.632.160
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	24.340.962.778	14.642.432.772
22	5. Chi phí tài chính	28	(18.599.351.262)	(23.079.699.581)
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(15.320.715.995)*	*(17.403.277.637)*
24	6. Phần lãi trong công ty liên kết	15.1	75.645.080.878	60.000.163.231
25	7. Chi phí bán hàng	29, 30	(74.758.525.663)	(80.071.531.567)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29, 30	(129.769.390.298)	(129.681.110.424)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		165.212.313.384	293.754.886.591
31	10. Thu nhập khác	31	67.486.204.451	16.703.362.385
32	11. Chi phí khác	31	(12.338.758.390)	(4.372.571.884)
40	12. Lợi nhuận khác		55.147.446.061	12.330.790.501
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		220.359.759.445	306.085.677.092
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(75.260.055.855)	(54.423.396.521)
52	15. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.3	5.580.771.662	1.900.076.639
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		150.680.475.252	253.562.357.210
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		142.234.299.603	238.406.244.652
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	25	8.446.175.649	15.156.112.558
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.3	1.448	2.403
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24.3	1.448	2.403

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

Lâm Chí Dũng	Nguyễn Hoàng Giang	Nguyễn Mai Khánh Trình	Đặng Vũ Thành
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc tài chính	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**220.359.759.445**	**306.085.677.092**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm chi phí phân bổ lợi thế Thương mại)	4, 11, 12,13	128.614.733.022	121.241.277.504
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(5.255.773.449)	14.381.681.458
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.200.667.683	1.276.790.308
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(146.397.287.691)	(83.412.810.902)
06	Chi phí lãi vay	28	15.320.715.995	17.403.277.637
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**213.842.815.005**	**376.975.893.097**
09	Giảm các khoản phải thu		2.486.179.669	68.191.498.851
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		56.125.401.265	(496.490.680)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		5.778.746.832	(122.186.626.241)
12	Giảm chi phí trả trước		14.054.466.330	19.796.759.874
14	Tiền lãi vay đã trả		(15.505.334.264)	(20.447.556.438)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(49.857.541.675)	(47.603.886.961)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.288.496.487)	(3.144.334.181)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**223.636.236.675**	**271.085.257.321**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(62.020.538.814)	(261.921.972.695)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản		108.019.484.340	22.214.357.803
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(12.974.000.000)	(10.628.695.198)
24	Tiền thu về từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		19.353.718.170	15.921.943.320
25	Tiền chi đầu tư vào công ty khác		(12.728.800.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		60.221.218.679	83.189.655.252
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**102.871.082.375**	**(151.224.711.518)**

BÁO CÁO BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	22	31.399.917.109	157.938.868.597
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	22	(88.362.137.502)	(194.333.717.236)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	22	(10.239.280.000)	(12.619.640.000)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(60.670.000)	(793.185.176)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(67.262.170.393)**	**(49.807.673.815)**
50	**Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**259.245.148.657**	**70.052.871.988**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**347.435.288.802**	**276.311.801.371**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		199.290.839	1.070.615.443
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**606.879.728.298**	**347.435.288.802**

Lâm Chí Dũng	Nguyễn Hoàng Giang	Nguyễn Mai Khánh Trình	Đặng Vũ Thành
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc tài chính	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty"), các công ty con và các công ty liên doanh và liên kết như sau:

Công ty

Công ty tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 15 vào ngày 3 tháng 7 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDHCM") theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức, đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.089 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.161).

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cơ cấu tổ chức của Nhóm Công ty bao gồm tám (8) công ty con sở hữu trực tiếp và gián tiếp và sáu (6) công ty liên doanh, liên kết. Chi tiết trình bày như sau:

Công ty con

Tên công ty	*Trụ sở chính*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	*Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*
(1) Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	100,00	100,00	100,00	100,00
(2) Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	93,17	93,17	93,17	93,17
(3) Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistics	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	100,00	100,00	100,00	100,00
(4) Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ cảng	99,99	99,99	99,99	99,99
(5) Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	93,34	93,34	93,34	93,34
(6) Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình	Thành phố Hồ Chí Minh	Công trình dân dụng	89,77	96,18	80,41	86,15
(7) Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	Dịch vụ đóng tàu và cấu kiện nổi	65,34	70,00	65,34	70,00
(8) Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	Công trình dân dụng	47,60	51,00	47,60	51,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty liên doanh và liên kết

Tên công ty	*Trụ sở chính*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	*Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*
(1) Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier ("The Pier")	Thành phố Hồ Chí Minh	Bất động sản	50,00	50,00	50,00	50,00
(2) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Soreco ("SORECO")	Thành phố Hồ Chí Minh	Bất động sản	50,00	50,00	50,00	50,00
(3) Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 ("VICT")	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	34,54	37,00	34,54	37,00
(4) Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam ("SOWATCOSER")	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	24,52	26,27	24,52	26,27
(5) Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai ("PDN")	Tỉnh Đồng Nai	Dịch vụ cảng	18,90	20,25	18,90	20,25
(6) Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 ("SOWATCO-ECO 747")	Tỉnh Nghệ An	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	-	-	45,74	49,00

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho chủ yếu bao gồm nguyên vật liệu, hàng hóa và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với giá trị được xác định là:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp theo phương pháp bình quân gia quyền, chi phí thầu phụ được phân bổ theo thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toan hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Tài sản cố định vô hình* (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 40 năm
Máy móc và thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Trang web	5 năm
Lợi thế quyền thuê đất	2 - 38 năm

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong ba năm.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 31 tháng 1 năm 2008 và 1 tháng 7 năm 2008 và trả tiền hằng năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Lợi nhuận được chia từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được cấn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Các khoản đầu tư* (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư, nếu phát sinh, được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Nhóm Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất..

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.14 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng Quản trị Nhóm Công ty.

3.16 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Thu nhập được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Ghi nhận doanh thu* (tiếp theo)

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.18 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 *Thông tin bộ phận*

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động cung cấp dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải, kinh doanh thương mại (xăng dầu, nhớt), cơ khí đóng tàu, xây dựng và xuất khẩu lao động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

3.20 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, không tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Lợi thế thương mại được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng. Nếu giá phí hợp nhất thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được hợp nhất, phần chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Nhóm Công ty. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.21 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 10 năm kể từ ngày mua được trình bày như sau:

VND

	Sowatco	*Vietranstimex*	*Tổng cộng*
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	77.569.081.610	24.936.602.386	102.505.683.996
Phân bổ lũy kế			
Số đầu năm	(52.359.130.086)	(16.208.791.554)	(68.567.921.640)
Phân bổ trong năm	(7.756.908.161)	(2.493.660.238)	(10.250.568.399)
Số cuối năm	(60.116.038.247)	(18.702.451.792)	(78.818.490.039)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	25.209.951.524	8.727.810.832	33.937.762.356
Số cuối năm	17.453.043.363	6.234.150.594	23.687.193.957

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	10.446.998.427	7.807.013.669
Tiền gửi ngân hàng	129.898.209.323	136.600.442.053
Tiền đang chuyển	-	27.833.080
Các khoản tương đương tiền	466.534.520.548	203.000.000.000
TỔNG CỘNG	**606.879.728.298**	**347.435.288.802**

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất dao động từ 1,9%/năm đến 3,5%/năm.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 *Chứng khoán kinh doanh*

VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá gốc	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	126.752.447	14.506.500	(112.245.947)	126.752.447	12.185.460	(114.566.987)
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	556.000.000	980.000.000	-	556.000.000	1.015.238.095	-
Chứng khoán khác	1.120.111	652.593	(467.518)	1.120.111	599.921	(520.190)
TỔNG CỘNG	**683.872.558**	**995.159.093**	**(112.713.465)**	**683.872.558**	**1.028.023.476**	**(115.087.177)**

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh có thời hạn mười hai (12) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 2,3%/năm đến 5,3%/năm. Trong đó, Nhóm Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi với số tiền là 50.000.000.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng *(Thuyết minh số 22.2)*.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**333.829.226.252**	**331.556.039.041**
Phải thu khách hàng	294.294.768.668	288.740.942.728
Phải thu các bên liên quan *(Thuyết minh số 33)*	39.534.457.584	42.815.096.313
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**53.131.543.971**	**57.959.381.663**
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Focus ASC	10.475.762.400	8.298.496.746
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Xây dựng Cẩm Anh	8.773.817.614	8.773.817.614
Người bán khác	33.881.963.957	40.887.067.303
Phải thu ngắn hạn khác	**111.371.696.792**	**112.446.706.832**
Phí vận chuyển trả hộ	62.989.349.304	81.987.755.445
Tạm ứng cho nhân viên	16.167.117.986	10.861.861.484
Ký quỹ	7.976.986.002	8.179.496.095
Phải thu về tiền lương, bảo hiểm xã hội của thuyền viên từ các đại lý	1.930.101.698	3.597.772.536
Phải thu lãi tiền gửi	1.716.056.612	2.289.024.982
Phải thu các bên liên quan *(Thuyết minh số 33)*	12.713.200.000	-
Phải thu khác	7.878.885.190	5.530.796.290
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	**(71.870.969.662)**	**(61.178.643.106)**
GIÁ TRỊ THUẦN	**426.461.497.353**	**440.783.484.430**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	61.178.643.106	57.283.192.711
Dự phòng trích lập trong năm	12.164.986.630	4.244.413.445
Hoàn nhập và sử dụng dự phòng trong năm	(1.472.660.074)	(348.963.050)
Số cuối năm	71.870.969.662	61.178.643.106

8. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	41.323.471.169	87.197.430.616
Nguyên liệu, vật liệu	14.646.191.471	23.985.663.851
Hàng hóa	967.292.338	928.479.957
Hàng mua đang đi trên đường	552.418.181	1.503.200.000
Công cụ, dụng cụ	473.209.518	473.209.518
TỔNG CỘNG	**57.962.582.677**	**114.087.983.942**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(143.039.190)
GIÁ TRỊ THUẦN	**57.962.582.677**	**113.944.944.752**

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**8.950.698.536**	**6.479.460.908**
Công cụ, dụng cụ	3.160.762.217	1.523.816.163
Chi phí thuê đất và văn phòng	1.736.289.250	2.064.685.638
Phí bảo hiểm	1.252.847.964	1.420.136.797
Khác	2.800.799.105	1.470.822.310
Dài hạn	**36.231.863.718**	**52.757.567.676**
Chi phí sửa chữa văn phòng	20.688.370.333	34.783.133.315
Công cụ, dụng cụ	9.462.217.040	9.492.797.141
Chi phí thuê đất và nhà kho	3.141.706.993	4.531.725.803
Phí tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp	160.238.750	850.910.750
Khác	2.779.330.602	3.099.000.667
TỔNG CỘNG	**45.182.562.254**	**59.237.028.584**

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đặt cọc dài hạn	4.425.241.398	4.327.862.125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Thiết bị văn phòng*	*Phương tiện vận tải*	*Máy móc và thiết bị*	*Tổng cộng*
Nguyên giá					
Số đầu năm	588.990.186.380	7.706.548.857	1.050.736.707.612	146.925.350.342	1.794.358.793.191
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	200.102.561.884	-	4.595.805.000	15.110.633.650	219.809.000.534
Mua trong năm	439.444.444	47.000.000	-	4.700.981.182	5.187.425.626
Thanh lý	(9.607.479.385)	(1.017.923.596)	(7.261.729.674)	-	(17.887.132.655)
Số cuối năm	779.924.713.323	6.735.625.261	1.048.070.782.938	166.736.965.174	2.001.468.086.696
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*59.420.269.863*	*1.964.111.560*	*403.012.492.242*	*45.975.459.946*	*510.372.333.611*
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	(261.819.274.579)	(6.152.287.064)	(661.569.749.528)	(88.022.183.423)	(1.017.563.494.594)
Khấu hao trong năm	(32.878.271.984)	(780.885.480)	(59.144.018.426)	(18.659.520.837)	(111.462.696.727)
Thanh lý	7.045.990.623	1.017.923.596	6.735.800.145	-	14.799.714.364
Số cuối năm	(287.651.555.940)	(5.915.248.948)	(713.977.967.809)	(106.681.704.260)	(1.114.226.476.957)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	327.170.911.801	1.554.261.793	389.166.958.084	58.903.166.919	776.795.298.597
Số cuối năm	492.273.157.383	820.376.313	334.092.815.129	60.055.260.914	887.241.609.739
Trong đó:					
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn (Thuyết minh số 22.2)	-	-	132.284.051.743	-	132.284.051.743

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	77.859.191.181
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	(8.218.470.178)
Khấu hao trong năm	(5.190.612.744)
Số cuối năm	(13.409.082.922)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	69.640.721.003
Số cuối năm	64.450.108.259

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Lợi thế quyền thuê đất*	*Tổng cộng*
Nguyên giá				
Số đầu năm	55.339.085.280	8.547.100.823	38.090.832.844	101.977.018.947
Mua trong năm	-	7.197.720.000	-	7.197.720.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	3.500.275.000	-	3.500.275.000
Thanh lý	(37.207.946.131)	-		(37.207.946.131)
Xóa sổ	-	(239.563.348)	-	(239.563.348)
Số cuối năm	18.131.139.149	19.005.532.475	38.090.832.844	75.227.504.468
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	-	*4.555.641.725*	-	*4.555.641.725*
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	-	(5.553.589.226)	(36.517.531.308)	(42.071.120.534)
Hao mòn trong năm	-	(1.658.411.767)	(52.443.385)	(1.710.855.152)
Xóa sổ	-	239.563.348	-	239.563.348
Số cuối năm	-	(6.972.437.645)	(36.569.974.693)	(43.542.412.338)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	55.339.085.280	2.993.511.597	1.573.301.536	59.905.898.413
Số cuối năm	18.131.139.149	12.033.094.830	1.520.858.151	31.685.092.130

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đóng mới và hoán cải tàu	71.433.138.557	42.743.640.256
Nâng cấp Cảng ICD	6.705.700.000	15.339.404.809
Nâng cấp Cảng Long Bình	-	160.355.237.773
Máy móc và phương tiện vận chuyển đang lắp đặt	-	23.100.027.020
Khác	1.786.451.900	5.051.855.000
TỔNG CỘNG	**79.925.290.457**	**246.590.164.858**

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

15.1 *Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết*

Công ty liên doanh và liên kết	Giá trị đầu tư			
	Tỷ lệ sở hữu	Số cuối năm	Tỷ lệ sở hữu	Số đầu năm
	%	VND	%	VND
PDN	18,90	401.552.648.529	18,90	362.077.275.017
VICT	34,54	128.205.132.311	34,54	143.371.136.200
The Pier	50,00	9.941.338.191	50,00	9.949.938.286
SORECO	50,00	9.921.947.151	50,00	9.922.435.801
SOWATCOSER	24,49	2.940.307.568	24,49	2.940.307.568
TỔNG CỘNG		**552.561.373.750**		**528.261.092.872**

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 *Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết* (tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

VND

	SORECO	The Pier	VICT	PDN	SOWATCO -ECO 747	SOWATCOSER	Tổng cộng
Giá trị đầu tư							
Số đầu năm	10.000.000.000	10.000.000.000	155.730.813.876	293.737.601.250	3.561.349.400	3.039.240.000	476.069.004.526
Giảm giá trị đầu tư	-	-	-	-	(3.561.349.400)	-	(3.561.349.400)
Số cuối năm	10.000.000.000	10.000.000.000	155.730.813.876	293.737.601.250	-	3.039.240.000	472.507.655.126
Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) của các công ty liên doanh, liên kết							
Số đầu năm	(77.564.199)	(50.061.714)	(12.359.677.676)	68.339.673.767	(3.561.349.400)	52.192.088.346	
Phần (lỗ) lợi nhuận trong năm	(488.650)	(8.600.095)	15.928.796.111	59.725.373.512	-	75.645.080.878	
Cổ tức được chia	-	-	(31.094.800.000)	(20.250.000.000)	-	(51.344.800.000)	
Giảm giá trị đầu tư	-	-	-	-	3.561.349.400	3.561.349.400	
Số cuối năm	(78.052.849)	(58.661.809)	(27.525.681.565)	107.815.047.279	-	80.053.718.624	
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	9.922.435.801	9.949.938.286	143.371.136.200	362.077.275.017	-	528.261.092.872	
Số cuối năm	9.921.947.151	9.941.338.191	128.205.132.311	401.552.648.529	-	552.561.373.750	

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Giá gốc khoản đầu tư	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
	Giá trị VND	*% sở hữu*	*Giá trị VND*	*% sở hữu*
Công ty TNHH Liên doanh BNX – Vietransimex	816.000.000	12.5	816.000.000	12,5
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước	440.000.000	0.05	440.000.000	0,05
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động và Dịch vụ Vận tải thủy Miền Nam	373.124.639	0.002	373.124.639	0,002
TỔNG CỘNG	**1.629.124.639**		**1.629.124.639**	

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả các bên khác	108.547.790.338	134.725.433.290
Phải trả các bên liên quan *(Thuyết minh số 33)*	13.459.853.562	318.346.530
TỔNG CỘNG	**122.007.643.900**	**135.043.779.820**

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả các bên liên quan *(Thuyết minh số 33)*	25.634.767.167	-
Phải trả các bên khác	4.012.779.311	4.789.497.796
TỔNG CỘNG	**29.647.546.478**	**4.789.497.796**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	10.338.737.760	8.839.387.010	(16.626.957.233)	2.551.167.537
Thuế nhà đất	561.395.605	5.000.000	(6.000.000)	560.395.605
TỔNG CỘNG	**10.900.133.365**	**8.844.387.010**	**(16.632.957.233)**	**3.111.563.142**
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.396.964.463	75.260.055.855	(56.109.781.428)	35.547.238.890
Thuế giá trị gia tăng	3.142.070.058	85.366.910.498	(77.265.009.681)	11.243.970.875
Thuế thu nhập cá nhân	2.441.394.149	7.780.577.931	(8.982.287.918)	1.239.684.162
Thuế đất	-	44.004.195.703	(43.703.438.999)	300.756.704
Thuế khác	(94.094.520)	13.283.322.196	(10.867.051.928)	2.322.175.748
TỔNG CỘNG	**21.886.334.150**	**225.695.062.183**	**(196.927.569.954)**	**50.653.826.379**

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí vận chuyển	7.320.155.378	2.991.336.878
Chi phí thưởng	5.190.613.158	7.784.643.873
Chi phí dự án	4.935.291.995	4.497.213.505
Chi phí lãi vay	67.006.010	251.624.279
Khác	5.446.466.483	4.430.206.936
TỔNG CỘNG	**22.959.533.024**	**19.955.025.471**

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Thu nhập từ hỗ trợ di dời *(*)*	36.050.598.364	36.050.598.364
Khác	1.782.411.817	1.313.636.362
TỔNG CỘNG	**37.833.010.181**	**37.364.234.726**

(*) Đây là khoản thu nhập từ hỗ trợ di dời chưa thực hiện theo các Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, 1B Hoàng Diệu và 117A Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	**135.669.858.498**	**136.870.082.856**
Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời *(i)*	40.000.000.000	40.000.000.000
Nhận tạm ứng thanh lý các khoản đầu tư *(ii)*	39.940.000.000	39.940.000.000
Thu hộ	6.732.807.734	10.453.639.404
Nhận ký cược, ký quỹ	4.487.336.093	4.207.430.667
Phải trả cho thuyền viên	3.850.348.450	6.146.258.518
Khác	40.659.366.221	36.122.754.267
Dài hạn	**37.034.580.800**	**41.393.615.000**
Nhận đặt cọc từ Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("GEX") *(iii)*	30.000.000.000	30.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	7.034.580.800	11.043.615.000
Khác	-	350.000.000
TỔNG CỘNG	**172.704.439.298**	**178.263.697.856**
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	*41.017.587.817*	*40.816.000.000*
Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C	*39.940.000.000*	*39.940.000.000*
Phải trả các bên khác	*91.746.851.481*	*97.507.697.856*

(i) Đây là các khoản nhận tạm ứng hỗ trợ từ SORECO theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao các khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Đây là các khoản nhận tạm ứng từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C theo Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS về việc chuyển nhượng cổ phần của The Pier mà Nhóm Công ty đang nắm giữ.

(iii) Khoản nhận đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc ngày 10 tháng 9 năm 2020 với GEX cùng phối hợp triển khai mọi công việc, thủ tục có liên quan cũng như duy trì quyền và lợi ích đối với Quyền Tài sản tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, số 117A Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và số 2B, Đường 13, Phường Long Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

22. CÁC KHOẢN VAY

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	**34.305.224.925**	**67.675.080.136**
Vay từ ngân hàng *(Thuyết minh số 22.1)*	5.288.028.850	36.167.781.582
Vay dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 22.2)*	18.777.916.075	21.268.018.554
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 22.3)*	10.239.280.000	10.239.280.000
Vay dài hạn	**89.886.541.364**	**122.303.880.289**
Vay từ ngân hàng *(Thuyết minh số 22.2)*	84.766.901.364	106.944.960.289
Nợ thuê tài chính *(Thuyết minh số 22.3)*	5.119.640.000	15.358.920.000
TỔNG CỘNG	**124.191.766.289**	**189.978.960.425**

22. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay như sau:

VND

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	67.675.080.136	122.303.880.289	189.978.960.425
Tiền thu từ đi vay	31.399.917.109	-	31.399.917.109
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	10.239.280.000	(10.239.280.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	17.605.933.182	(17.605.933.182)	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	(82.375.705.502)	(5.986.432.000)	(88.362.137.502)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	(10.239.280.000)	-	(10.239.280.000)
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	1.414.306.257	1.414.306.257
Số cuối năm	34.305.224.925	89.886.541.364	124.191.766.289

22.1 *Vay ngắn hạn từ ngân hàng*

Nhóm Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm*	*Ngày đáo hạn cuối cùng*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VND		*%/năm*	
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	5.288.028.850	Từ ngày 8 tháng 4 năm 2024 đến ngày 1 tháng 12 năm 2024	6,1 – 6,36	Tín chấp

22.2 *Vay dài hạn từ ngân hàng*

Nhóm Công ty có các khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động và các khoản vay dài hạn theo các hiệp định tài trợ khung (Hiệp định vay số 2613-VIE và số 2614-VIE) giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") nhằm mục đích hỗ trợ tài chính cho Chương trình Cải cách Doanh nghiệp Nhà nước và Hỗ trợ quản trị công ty, chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

22. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

22.2 *Vay dài hạn từ ngân hàng* (tiếp theo)

Ngân hàng	*Số cuối năm*		*Ngày đáo hạn cuối cùng*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VND	*USD*		*%/năm*	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II					
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Thông thường ("Khoản vay OCR") *(i)*	44.237.500.816	1.799.304	Ngày 15 tháng 11 năm 2034	1,5	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 4.633.658.309 VND *(Thuyết minh số 11)* và khoản tiền gửi có kỳ hạn 50.000.000.000 VND *(Thuyết minh số 6.2)*
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Đặc biệt ("Khoản vay ADF") *(ii)*	5.380.737.965	232.835	Ngày 15 tháng 11 năm 2041	1,0	
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh					
Vay 1	10.448.538.062	-	Ngày 29 tháng 10 năm 2025	9,0	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 31.290.000.038 VND *(Thuyết minh số 11)*
Vay 2	26.425.409.027	-	Ngày 30 tháng 1 năm 2030	9,0	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 59.361.366.389 VND *(Thuyết minh số 11)*
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam					
Vay 1	17.052.631.569	-	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2024 đến ngày 28 tháng 12 năm 2026	9,2 – 9,9	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 27.834.506.349 VND *(Thuyết minh số 11)*
TỔNG CỘNG	**103.544.817.439**	**2.032.139**			
Trong đó:					
Vay dài hạn	*84.766.901.364*				
Vay dài hạn đến hạn trả	*18.777.916.075*				

22. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

22.2 *Vay dài hạn từ ngân hàng* (tiếp theo)

Theo Hiệp định vay phụ ngày 8 tháng 10 năm 2010 giữa Bộ Tài chính ("BTC") và Nhóm Công ty. BTC sẽ cho Nhóm Công ty vay lại các khoản vay mà BTC vay được từ ADB theo những điều kiện và điều khoản được ADB chấp thuận. chi tiết như sau:

(i) Khoản vay OCR theo Hiệp định vay số 2613-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án tái cấu trúc tài chính và tái cấu trúc doanh nghiệp của Nhóm Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 25 năm với lãi suất LIBOR cộng với chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo. Tiền lãi và gốc được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2015 đến ngày 15 tháng 11 năm 2034.

(ii) Khoản vay ADF theo Hiệp định vay số 2614-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án củng cố và tái cấu trúc hoạt động của Nhóm Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 32 năm với lãi suất 1%/năm (trong thời gian ân hạn) và 1,5%/năm trong các năm sau đó. Tiền lãi và gốc được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2018 đến ngày 15 tháng 11 năm 2041.

22.3 *Nợ thuê tài chính*

Nhóm Công ty hiện đang thuê máy móc và thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai như sau:

VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*	*Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu*	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả						
Đến 1 năm	11.127.299.091	888.019.091	10.239.280.000	11.811.556.510	1.572.276.510	10.239.280.000
Nợ thuê tài chính dài hạn						
Trên 1 đến 5 năm	5.182.127.661	62.487.661	5.119.640.000	16.146.208.421	787.288.421	15.358.920.000
TỔNG CỘNG	**16.309.426.752**	**950.506.752**	**15.358.920.000**	**27.957.764.931**	**2.359.564.931**	**25.598.200.000**

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện chi phí dự phòng bảo hành công trình với thời hạn bảo hành không quá 12 tháng.	
Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí trích trước của khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên.	

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước					
Số đầu năm	982.533.570.000	(2.033.034.900)	2.849.526.349	804.580.539.331	1.787.930.600.780
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	238.406.244.652	238.406.244.652
Trích lập các quỹ	-	-	-	(9.302.978.355)	(9.302.978.355)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(4.824.473.582)	(4.824.473.582)
Số cuối năm	982.533.570.000	(2.033.034.900)	2.849.526.349	1.028.859.332.046	2.012.209.393.495
Năm nay					
Số đầu năm	982.533.570.000	(2.033.034.900)	2.849.526.349	1.028.859.332.046	2.012.209.393.495
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	142.234.299.603	142.234.299.603
Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát (*)	-	-	-	(9.455.039.989)	(9.455.039.989)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(3.947.130.516)	(3.947.130.516)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(2.688.617.928)	(2.688.617.928)
Số cuối năm	982.533.570.000	(2.033.034.900)	2.849.526.349	1.155.002.843.216	2.138.352.904.665

(*) Trong năm, Nhóm Công ty đã mua thêm 9,36% sở hữu vào Công ty Cổ phần Xây lắp Công Trình, tăng phần sở hữu thành 89,77%. Giá mua thêm trị giá 12.728.800.000 VND được thanh toán bằng tiền cho các cổ đông không kiểm soát. Giá trị ghi sổ của phần sở hữu tăng mua thêm là 3.273.760.011 VND. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của phần sở hữu tăng mua thêm được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 *Cổ phiếu*

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	98.253.357	98.253.357
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	98.253.357	98.253.357

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Nhóm Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

24.3 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	*Năm trước (Trình bày lại)*
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ *(VND)*	142.234.299.603	238.406.244.652
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) *(*)*	-	(2.303.897.928)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông *(VND)*	142.234.299.603	236.102.346.724
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	98.253.357	98.253.357
Lãi trên cổ phiếu *(VND)*		
- *Lãi cơ bản*	*1.448*	*2.403*
- *Lãi suy giảm*	*1.448*	*2.403*

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm trước để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/STG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Nhóm Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng trong năm và vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

25. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	111.504.621.633	97.098.977.533
Lợi nhuận thuần trong năm	8.446.175.649	15.156.112.558
Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	(3.258.480.011)	-
Cổ tức công bố	(60.670.000)	(219.716.400)
Các khoản khác	(339.458.045)	(530.752.058)
Số cuối năm	116.292.189.226	111.504.621.633

26. DOANH THU

26.1 *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*

VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.597.539.675.824	2.479.816.474.370
Doanh thu bán hàng hóa	198.096.060.942	159.438.088.738
TỔNG CỘNG	**1.795.635.736.766**	**2.639.254.563.108**
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên liên quan	*155.543.054.278*	*258.151.702.051*
Doanh thu đối với khách hàng khác	*1.640.092.682.488*	*2.381.102.861.057*

26.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	17.335.322.909	9.338.121.483
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.681.327.400	179.903.400
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.324.312.469	5.124.407.889
TỔNG CỘNG	**24.340.962.778**	**14.642.432.772**

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.319.960.488.124	2.034.485.670.824
Giá vốn của hàng hóa đã bán	187.321.711.691	152.824.260.124
TỔNG CỘNG	**1.507.282.199.815**	**2.187.309.930.948**

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	15.320.715.995	17.403.277.637
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.570.516.372	3.744.023.669
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	558.975.688	62.295.731
Khác	149.143.207	1.870.102.544
TỔNG CỘNG	**18.599.351.262**	**23.079.699.581**

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	**74.758.525.663**	**80.071.531.567**
Chi phí nhân viên	48.823.951.119	49.742.635.727
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.844.133.615	18.470.959.726
Chi phí bán hàng khác	10.090.440.929	11.857.936.114
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**129.769.390.298**	**129.681.110.424**
Chi phí nhân viên	72.683.418.194	74.528.021.521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.423.049.251	22.163.454.855
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.692.326.556	3.895.450.395
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại *(Thuyết minh số 4)*	10.250.568.399	10.250.568.400
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.720.027.898	18.843.615.253
TỔNG CỘNG	**204.527.915.961**	**209.752.641.991**

30. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.066.512.782.760	1.567.792.832.478
Hàng hóa, nguyên vật liệu	212.554.922.175	352.254.777.397
Chi phí nhân viên	256.138.724.178	294.294.703.538
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 11, 12, 13)*	118.364.164.623	110.990.709.104
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại *(Thuyết minh số 4)*	10.250.568.399	10.250.568.400
Chi phí khác	47.988.953.641	61.478.982.022
TỔNG CỘNG	**1.711.810.115.776**	**2.397.062.572.939**

31. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**67.486.204.451**	**16.703.362.385**
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	49.735.556.504	13.894.622.788
Thu nhập từ hỗ trợ di dời	16.057.332.698	-
Khác	1.693.315.249	2.808.739.597
Chi phí khác	**(12.338.758.390)**	**(4.372.571.884)**
Chi phí nộp phạt	(11.030.723.935)	(3.031.118.297)
Chi phí khác	(1.308.034.455)	(1.341.453.587)
LỢI NHUẬN KHÁC	**55.147.446.061**	**12.330.790.501**

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí TNDN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thuế TNDN năm nay	64.037.797.640	54.423.396.521
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	11.222.258.215	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	75.260.055.855	54.423.396.521
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(5.580.771.662)	(1.900.076.639)
TỔNG CỘNG	**69.679.284.193**	**52.523.319.882**

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 Chi phí TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**220.359.759.445**	**306.085.677.092**
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	44.071.951.889	61.217.135.418
Các khoản điều chỉnh:		
Phân bổ lợi thế thương mại	2.050.113.680	2.050.113.680
Chi phí không được trừ	9.589.758.943	1.401.282.080
Phần lãi từ công ty liên kết	(14.889.016.176)	(12.000.032.646)
Lỗ năm trước chuyển sang	18.039.706.432	35.975.659
Khác	(405.488.790)	(181.154.309)
Thuế TNDN sau điều chỉnh	58.457.025.978	52.523.319.882
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	11.222.258.215	-
Chi phí thuế TNDN	**69.679.284.193**	**52.523.319.882**

32.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.3 *Thuế TNDN hoãn lại*

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả, cùng với các biến động trong năm như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Lợi nhuận chưa thực hiện	15.758.719.950	14.967.566.587	791.153.363	2.324.959.419
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	-	441.882.025	(441.882.025)	-
Chi phí phải trả	-	540.772.679	(540.772.679)	553.039.049
Dự phòng trợ cấp thôi việc	736.682.587	725.195.041	11.487.546	(17.934.265)
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(26.000.621)	(736.452.752)	710.452.131	(3.993.082)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	(1.098.368.113)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(71.041.653)	(71.041.653)	-	-
Khấu hao	(814.312.740)	77.004.545	(891.317.285)	131.884.954
Lãi từ việc đánh giá lại tài sản	(2.436.003.059)	(8.377.653.670)	5.941.650.611	10.488.677
TỔNG CỘNG	**13.148.044.464**	**7.567.272.802**	**5.580.771.662**	**1.900.076.639**
Trong đó:				
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	*15.584.047.523*	*15.977.624.435*		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	*(2.436.003.059)*	*(8.410.351.633)*		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.4 *Lỗ tính thuế chuyển sang các năm sau*

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 82.605.756.530 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế (*)*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023*
2023	2028	82.605.756.530	-	-	82.605.756.530

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

32.5 *Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định*

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh*	*Đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2023*	*Không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2023*	*Chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2023*
2022	2027	2.209.410.123	-	-	2,209,410,123
2023	2028	5.194.801.337	-	-	5,194,801,337
TỔNG CỘNG		**7.404.211.460**	-	-	**7.404.211.460**

Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 7.404.211.460 VND do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.6 *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận*

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

	VND *Số tiền*
Lỗ thuế chuyển sang năm sau *(Thuyết minh số 32.4)*	82.605.756.530
Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định *(Thuyết minh số 32.5)*	7.404.211.460
TỔNG CỘNG	**90.009.967.990**

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV ITL Logistics Đà Nẵng	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần ITL Logistics	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Kỳ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Sowaco Tri Phương	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Bất động sản Soreco	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Liên danh BNX - Vietranstimex	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Logistics Techhub	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Dash Logistics	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Miền Nam	Công ty liên kết

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ mua bán với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*VND* *Năm trước*
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1 ("VICT")	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	55.415.442.776	78.352.435.778
		Nhận cổ tức	31.094.800.000	51.171.000.000
		Bán hàng hóa	20.474.618.171	28.395.620.163
		Sử dụng dịch vụ	344.020.846	813.299.348
Công ty Cổ phần ITL Logistics	Công ty trong cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	37.783.712.335	-
		Sử dụng dịch vụ	2.832.733.104	-
Công ty TNHH MTV ITL Logistics Đà Nẵng	Công ty trong cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	22.633.060.874	146.324.557.430
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty liên doanh	Nhận cổ tức	20.250.000.000	22.500.000.000
		Cung cấp dịch vụ	11.324.239	3.402.779
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	12.804.705.286	1.805.801.017
		Sử dụng dịch vụ	7.318.977.162	42.425.113.571
Công ty Cổ phần Sowatco Tri Phương	Công ty trong cùng tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	6.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	5.177.123.107	3.030.107.519
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Kỳ	Công ty trong cùng tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	4.445.000.000	-
		Cung cấp dịch vụ	1.241.825.000	-
Công ty TNHH Logistics Techhub	Công ty liên doanh	Sử dụng dịch vụ	1.612.780.000	-
Công ty TNHH ITL Bình Dương	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	705.168.512	27.330.000
		Sử dụng dịch vụ	-	51.109.530
Công ty TNHH Dash Logistics	Công ty liên doanh	Sử dụng dịch vụ	119.321.609	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường Thủy Miền Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.242.490	239.777.365

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm bao gồm:

VND

Các bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần ITL Logistics	Công ty trong cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	22.837.887.575	-
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	10.180.894.805	26.995.025.848
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	5.684.474.177	3.332.143.612
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Tổng hợp Miền Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	766.468.947	765.122.017
Công ty TNHH MTV ITL Logistics Đà Nẵng	Công ty trong cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	39.000.000	5.249.676.345
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Kỳ	Công ty trong cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	25.732.080	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	6.463.918.325
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	-	9.210.166
			39.534.457.584	**42.815.096.313**
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1	Công ty liên doanh	Cổ tức	12.713.200.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Sowatco Tri Phương	Công ty trong cùng tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	7.128.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Kỳ	Công ty trong cùng tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	4.801.500.000	
Công ty Cổ phần ITL Logistics	Công ty trong cùng tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	1.289.113.982	
Công ty TNHH Logistics Techhub	Công ty trong cùng tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	-	284.858.065
Công ty TNHH Dash Logistics	Công ty trong cùng tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	9.922.578	32.193.437
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Công ty mẹ	Sử dụng dịch vụ	231.317.002	1.295.028
			13.459.853.562	**318.346.530**

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm bao gồm: (tiếp theo)

VND

Các bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Kỳ	Công ty trong cùng tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	25.634.767.167	-
Phải trả ngắn hạn khác				
SORECO	Công ty liên doanh	Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH Liên danh BNX - Vietranstimex	Công ty liên doanh	Phải trả khác	816.000.000	816.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Công ty mẹ	Chi hộ	5.379.000	-
Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc	Chi hộ	196.208.817	-
			41.017.587.817	**40.816.000.000**

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Ông Đặng Vũ Thành	2.292.589.159	2.113.940.000
Ông Phay Wenfu, Daniel	678.730.000	-
Ông Đỗ Lê Hùng	504.000.000	504.000.000
Ông Trần Tuấn Anh	180.000.000	180.000.000
Ông Lee Kian Huat	121.000.000	75.000.000
Ông Nguyễn Quốc Thúc	120.000.000	120.000.000
Bà Seow Hwee	63.000.000	-
Ông Đặng Doãn Kiên	-	47.333.334
TỔNG CỘNG	**3.959.319.159**	**3.040.273.334**

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	11.494.690.842	34.912.444.809
Từ 1 đến 5 năm	37.281.524.638	29.867.127.428
Trên 5 năm	132.500.646.127	110.529.587.919
TỔNG CỘNG	**181.276.861.607**	**175.309.160.156**

Kiện tụng

Vào ngày 23 tháng 1 năm 2019, Tòa án Nhân dân Quận 4 đang thụ lý vụ kiện trong đó một công ty bảo hiểm đã khởi kiện Nhóm Công ty về việc hoàn trả tiền bảo hiểm mà công ty bảo hiểm này đã đền bù cho một khách hàng liên quan đến vụ cháy tại Kho Quận 4 của Công ty vào ngày 25 tháng 6 năm 2017 với số tiền là 11.781.673.242 VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc ty đang trong quá trình chuẩn bị cho việc kiện tụng và kết quả vụ kiện chưa thể xác định được một cách đáng tin cậy vì vậy Nhóm Công ty chưa trích lập bất kỳ khoản dự phòng nào liên quan đến vụ kiện này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, mà trình bày là khoản nợ tiềm tàng theo quy định của Chuẩn Mực Kế toán Việt Nam số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngoại tệ:		
- Đồng Rub (RUB)	3.168.317,90	-
- Đô la Mỹ (USD)	1.184.225,54	1.355.996
- Đồng Euro (EUR)	86,80	2.430

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là cung cấp dịch vụ cảng, kho vận, giao nhận vận tải, kinh doanh thương mại (xăng dầu, nhớt), cơ khí đóng tàu, xây dựng và xuất khẩu lao động.

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

VND

	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	*Kinh doanh thương mại*	*Cơ khí đóng tàu*	*Xây dựng*	*Xuất khẩu lao động*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Doanh thu bộ phận						
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	1.590.058.132.216	146.880.576.181	131.656.945	55.371.503.335	3.193.868.089	1.795.635.736.766
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận	148.329.427.994	26.555.401.384	-	-	-	174.884.829.378
	1.738.387.560.210	**173.435.977.565**	**131.656.945**	**55.371.503.335**	**3.193.868.089**	**1.970.520.566.144**
Đối chiếu:						
Loại trừ doanh thu giữa các bộ phận						(174.884.829.378)
Doanh thu trong năm						1.795.635.736.766
Lợi nhuận bộ phận	**68.413.039.353**	**9.926.942.532**	**-**	**4.738.326.293**	**747.312.812**	**83.825.620.990**
Đối chiếu:						
Phần lãi trong công ty liên doanh và liên kết						75.645.080.878
Cổ tức, lợi nhuận được chia						3.681.327.400
Lãi tiền gửi						17.335.322.909
Chi phí lãi vay						(15.320.715.995)
Dự phòng giảm giá đầu tư						(558.975.688)
Chi phí tài chính khác						(2.570.516.372)
Doanh thu không phân bổ						70.810.516.920
Chi phí không phân bổ						(12.487.901.597)
Lợi nhuận kế toán trước thuế						**220.359.759.445**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

VND

	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	*Kinh doanh thương mại*	*Cơ khí đóng tàu*	*Xây dựng*	*Xuất khẩu lao động*	*Tổng cộng*
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Tài sản bộ phận	**1.752.203.192.157**	**44.810.820.223**	**1.206.128.224**	**3.739.094.256**	**-**	**1.801.959.234.860**
Đối chiếu:						
Phải thu bộ phận						(20.286.388.706)
Tài sản không phân bổ						1.087.005.328.515
Tổng tài sản						**2.868.678.174.669**
Nợ phải trả bộ phận	**373.019.251.030**	**447.620.626**	**-**	**423.266.600**	**33.613.249.571**	**407.503.387.827**
Đối chiếu:						
Phải trả bộ phận						(19.219.318.082)
Nợ phải trả không phân bổ						225.749.011.033
Tổng nợ phải trả						**614.033.080.778**

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

VND

	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	*Kinh doanh thương mại*	*Cơ khí đóng tàu*	*Xây dựng*	*Xuất khẩu lao động*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022						
Doanh thu bộ phận						
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	2.318.910.921.290	159.438.088.738	-	155.622.691.268	5.282.861.812	2.639.254.563.108
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận	92.601.002.647	67.186.340.773	-	-	-	159.787.343.420
	2.411.511.923.937	**226.624.429.511**	**-**	**155.622.691.268**	**5.282.861.812**	**2.799.041.906.528**
Đối chiếu:						
Loại trừ doanh thu giữa các bộ phận						(159.787.343.420)
Doanh thu trong năm						2.639.254.563.108
Lợi nhuận bộ phận	**227.464.281.932**	**6.613.828.614**	**-**	**6.260.142.642**	**1.853.736.981**	**242.191.990.169**
Đối chiếu:						
Phần lãi trong công ty liên doanh và liên kết						60.000.163.231
Cổ tức, lợi nhuận được chia						179.903.400
Lãi tiền gửi						9.338.121.483
Chi phí lãi vay						(17.403.277.637)
Dự phòng giảm giá đầu tư						(62.295.731)
Chi phí tài chính khác						(3.744.023.669)
Doanh thu không phân bổ						21.827.770.274
Chi phí không phân bổ						(6.242.674.426)
Lợi nhuận kế toán trước thuế						**306.085.677.094**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

VND

	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	*Kinh doanh thương mại*	*Cơ khí đóng tàu*	*Xây dựng*	*Xuất khẩu lao động*	*Tổng cộng*
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022						
Tài sản bộ phận	**1.762.458.871.669**	**45.728.607.541**	**4.641.650.834**	**12.214.901.620**	**-**	**1.825.044.031.664**
Đối chiếu:						
Phải thu bộ phận						(66.212.407.924)
Tài sản không phân bổ						1.025.203.309.042
Tổng tài sản						**2.784.034.932.782**
Nợ phải trả bộ phận	**440.646.519.157**	**447.620.626**	**-**	**423.266.600**	**43.706.535.754**	**485.223.942.137**
Đối chiếu:						
Phải trả bộ phận						(72.396.769.554)
Nợ phải trả không phân bổ						247.493.745.071
Tổng nợ phải trả						**660.320.917.654**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Lâm Chí Dũng	Nguyễn Hoàng Giang	Nguyễn Mai Khánh Trình	Đặng Vũ Thành
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc tài chính	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

SOTRANS
GROUP

CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM
Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. HCM, Việt Nam
Điện thoại: (84.28) 6268 5858 - Fax: (84.28) 3826 6593
Email: info@sotrans.com.vn - Website: sotransgroup.vn